

BỘ CÂU HỎI SÁT HẠCH HUẤN LUYỆN GIẢNG VIÊN ATVSLĐ

(319 Câu - *đáp án là phần chữ màu đỏ*)

I. NHỮNG KIẾN THỨC CHUNG VỀ ATVSLĐ

1 An toàn lao động là gì?

a. An toàn lao động là giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động.

b. An toàn lao động là không xảy ra tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

c. An toàn lao động là giải pháp phòng, chống tác động của yếu tố có hại gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe cho con người trong quá trình lao động.

d. Cả a,b,c đều sai.

2. Vệ sinh lao động là gì?

a. Vệ sinh lao động là giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động.

b. Vệ sinh lao động là giải pháp an toàn nhất trong quá trình lao động.

c. Vệ sinh lao động là giải pháp phòng, chống tác động của yếu tố có hại gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe cho con người trong quá trình lao động.

d. Cả a,b,c đều sai.

3. Yếu tố nguy hiểm là gì?

a. Yếu tố nguy hiểm là yếu tố gây mất an toàn, làm tổn thương hoặc gây tử vong cho con người trong quá trình lao động.

b. Yếu tố nguy hiểm là yếu tố có thể gây ra tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp

c. Yếu tố nguy hiểm là yếu tố gây ra cháy, nổ, mất an toàn lao động

d. Yếu tố nguy hiểm là yếu tố có hại.

4. Yếu tố có hại là gì?

a. Yếu tố có hại là yếu tố gây mất an toàn, làm tổn thương hoặc gây tử vong cho con người trong quá trình lao động

b. Yếu tố có hại là yếu tố gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe con người trong quá trình lao động.

c. Yếu tố có hại là yếu tố tác động làm người lao động bị bệnh nghề nghiệp sau quá trình lao động.

d. Cả a, b, c đều đúng

5. Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động là gì?

a. Là việc gây ra cháy, nổ, tai nạn lao động.

b. Là hư hỏng của máy, thiết bị, vật tư, chất vượt quá giới hạn an toàn kỹ thuật cho phép, xảy ra trong quá trình lao động và gây thiệt hại hoặc có nguy cơ gây thiệt hại cho con người, tài sản và môi trường.

c. Là thiết bị lạc hậu trong quá trình sản xuất gây ra tai nạn lao động.

d. Cả a,b,c đều sai.

6. Thế nào là tai nạn lao động?

a. Tai nạn lao động là tai nạn gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể hoặc gây tử vong cho người lao động, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động.

b. Tai nạn lao động là tai nạn gây tổn thương cho người lao động có tỷ lệ thương tật từ 5 đến 10%.

c. Tai nạn lao động là tai nạn gây tổn thương cho người lao động trong quá trình lao động sản xuất.

d. Cả a,b,c đều sai.

7. ATVSLĐ mang tính khoa học công nghệ bao gồm:

a. Quy phạm, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn.

b. Tiêu chuẩn vệ sinh lao động trong quá trình lao động sản xuất.

c. Khoa học kỹ thuật về ATVSLĐ gắn liền với khoa học công nghệ sản xuất.

d. Cả 3 câu a,b,c đều đúng.

8. Công tác ATVSLĐ mang tính khoa học công nghệ phụ thuộc vào:

a. Trình độ công nghệ sản xuất của xã hội.

b. Các quy định về tổ chức lao động.

c. Quy phạm, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn.

d. Tiêu chuẩn vệ sinh lao động trong quá trình lao động sản xuất.

9. Tính quần chúng của công tác ATVSLĐ thể hiện ở các khía cạnh sau:

a. Quần chúng lao động là những người trực tiếp thực hiện quy phạm, quy trình.

b. Biện pháp kỹ thuật an toàn, cải thiện điều kiện làm việc.

c. Cả a và b đều đúng.

d. Cả a và b đều sai.

10. Công tác ATVSLĐ bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

a. Tiêu chuẩn vệ sinh lao động trong quá trình lao động sản xuất.

b. Kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động, các chính sách, chế độ bảo hộ lao động.

b. Các quy định về tổ chức lao động.

c. Cả 3 câu a,b,c đều đúng.

11. Nội dung chủ yếu của kỹ thuật an toàn là:

a. Xác định vùng nguy hiểm.

b. Xác định các biện pháp về quản lý, tổ chức và thao tác làm việc đảm bảo an toàn.

c. Sử dụng các thiết bị an toàn thích ứng: thiết bị che chắn, thiết bị phòng ngừa, thiết bị bảo hiểm, tín hiệu, báo hiệu, trang bị bảo vệ cá nhân...

d. Tất cả các câu trên đều đúng.

12. Nội dung chủ yếu của vệ sinh lao động là:

a. Xác định khoảng cách an toàn về vệ sinh.

b. Xác định các yếu tố có hại về sức khỏe.

c. Biện pháp về sinh học, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường.

d. Cả a và b, c đều đúng.

13. Các biện pháp về kỹ thuật vệ sinh là:

a. Kỹ thuật thông gió, điều hòa nhiệt độ, chống bụi, khí độc, kỹ thuật chống tiếng ồn và rung sóc, kỹ thuật chiếu sáng, kỹ thuật chống bức xạ, phóng xạ, điện từ trường.

b. Xác định vùng nguy hiểm.

c. Xác định các biện pháp về quản lý, tổ chức và thao tác làm việc đảm bảo an toàn.

d. Cả a và b, c đều đúng.

14. Các biện pháp kỹ thuật vệ sinh phải được quán triệt ngay từ khâu:

a. Thiết kế, xây dựng các công trình nhà xưởng.

b. Tổ chức nơi sản xuất.

c. Thiết kế, chế tạo các máy móc, thiết bị, quá trình công nghệ.

d. Cả a và b, c đều đúng.

15. Các chính sách, chế độ ATVSLĐ chủ yếu bao gồm:

- a. Các biện pháp kinh tế xã hội, tổ chức quản lý, cơ chế quản lý công tác lao động.
- b. Chế độ nhằm đảm bảo sử dụng sức lao động hợp lý, khoa học.
- c. Bồi dưỡng phục hồi sức lao động, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.
- d. *Tất cả các câu trên đều đúng*

16. Trong quá trình sản xuất phải thường xuyên quan tâm theo dõi các vấn đề nào sau đây:

- a. *Sự phát sinh các yếu tố có hại. Thực hiện các biện pháp bổ sung làm giảm các yếu tố có hại. Đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.*
- b. Xác định vùng nguy hiểm.
- c. Xác định khoảng cách an toàn về vệ sinh.
- d. Cả a và b, c đều đúng.

17. Công tác ATVSLĐ có những tính chất nào:

- a. Tính quần chúng.
- b. Tính khoa học công nghệ.
- c. Tính pháp luật.
- d. *Cả a và b, c đều đúng.*

18. Muốn thực hiện tốt công tác ATVSLĐ chúng ta phải:

- a. Tổ chức nghiên cứu khoa học kỹ thuật ATVSLĐ gắn liền với việc nghiên cứu cải tiến trang bị, cải tiến kỹ thuật công nghệ sản xuất.
- b. Nghiên cứu những vấn đề về kỹ thuật an toàn, cải thiện điều kiện làm việc.
- c. Nghiên cứu đưa vào chương trình tiến bộ kỹ thuật, công nghệ để huy động đông đảo cán bộ và người lao động tham gia.
- d. *Cả a và b, c đều đúng.*

19. Hãy nêu các yếu tố nguy hiểm có nguy cơ gây tai nạn lao động trong sản xuất:

- a. Những hóa chất độc; nguồn nhiệt; nguồn điện; nổ vật lý; nổ hoá học; những yếu tố vi khí hậu xấu; vi sinh vật có hại; bức xạ và phóng xạ.
- b. *Vật văng bắn; vật rơi, đổ, sập; các bộ phận truyền động và chuyển động; nguồn nhiệt; nguồn điện; nổ.*
- c. Những vật văng bắn; vật rơi, đổ, sập; tiếng ồn và rung động; bức xạ và phóng xạ; những yếu tố vi khí hậu xấu.

d. Vật văng bắn; bức xạ và phóng xạ; vật rơi, đổ, sập; bụi, ồn, hóa chất, những yếu tố vi khí hậu xấu; vi sinh vật có hại.

20. Hãy nêu các biện pháp cơ bản về kỹ thuật an toàn nhằm đảm bảo an toàn và phòng ngừa tai nạn lao động:

a. Thiết bị che chắn; thiết bị bảo hiểm phòng ngừa.; Khoảng cách an toàn; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân.

b. Cơ cấu điều khiển, phanh hãm, điều khiển từ xa; Tín hiệu, báo hiệu.

c. Thiết bị an toàn riêng biệt; Phòng cháy, chữa cháy.

d. Cả a, b và c.

II. LUẬT PHÁP, CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

21. Đối tượng áp dụng thực hiện Luật an toàn, vệ sinh lao động là?

a. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; người thử việc; người học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động; Cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

b. Người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động; Người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng; người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

c. Người sử dụng lao động; Cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến công tác an toàn, vệ sinh lao động.

d. Cả a, b, c đều đúng.

22. Theo quy định của Luật An toàn vệ sinh lao động, người lao động làm việc theo Hợp đồng lao động có những nghĩa vụ gì sau đây?

a. Chấp hành nội quy, quy trình và biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc; tuân thủ các giao kết về an toàn, vệ sinh lao động trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể;

b. Sử dụng và bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang cấp; các thiết bị bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc;

c. Báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động, tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp; chủ động tham gia cấp cứu, khắc phục sự cố, tai nạn lao động

theo phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp hoặc khi có lệnh của người sử dụng lao động hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d. Cả a, b, c đều đúng.

22. Theo quy định của Luật An toàn vệ sinh lao động, người sử dụng lao động có quyền như thế nào đối với công tác ATVSLĐ ?

a. Yêu cầu người lao động phải chấp hành các nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc; Khen thưởng người lao động chấp hành tốt và kỷ luật người lao động vi phạm trong việc thực hiện an toàn, vệ sinh lao động;

b. Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật;

c. Huy động người lao động tham gia ứng cứu khẩn cấp, khắc phục sự cố, tai nạn lao động.

d. Cả a, b, c, đều đúng.

23. Ai có nghĩa vụ chính trong việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nội quy, quy trình bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động?

a. Ban Chấp hành công đoàn cơ sở doanh nghiệp.

b. Cán bộ phụ trách an toàn, vệ sinh lao động.

c. Người sử dụng lao động tại doanh nghiệp

d. cả a,b,c đều đúng

24. Nghĩa vụ của người sử dụng lao động :

a. Hằng năm khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải lập kế hoạch, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động.

b. Chấp hành các quy định, nội quy về an toàn – vệ sinh lao động có liên quan đến công việc, nhiệm vụ được giao.

c. Cả a và b đều sai.

d. Cả a và b đều đúng.

25. Người sử dụng lao động có trách nhiệm:

a. Thực hiện huấn luyện, hướng dẫn các tiêu chuẩn quy định, biện pháp an toàn vệ sinh lao động đối với người lao động.

b. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo tiêu chuẩn chế độ quy định.

- c. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định khai báo, điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo kết quả tình hình thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện lao động...

d. Tất cả đều đúng.

26. Người sử dụng lao động có trách nhiệm:

- a. Phân công trách nhiệm và cử người giám sát việc thực hiện các quy định, nội quy, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động trong doanh nghiệp.
b. Phối hợp với Công đoàn cơ sở xây dựng và duy trì sự hoạt động của mạng lưới an toàn viên và vệ sinh viên.

c. Cả a và b đều đúng.

d. Cả a và b đều sai.

27. Quyền của người sử dụng lao động:

a. Buộc người lao động phải tuân thủ các quy định, nội quy, biện pháp ATVSLĐ

b. Khen thưởng người chấp hành tốt và kỷ luật người vi phạm trong việc thực hiện ATVSLĐ.

c. Khiếu nại với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quyết định của Thanh tra về ATVSLĐ, nhưng vẫn phải chấp hành các quyết định đó khi chưa có quyết định mới.

d. Cả a và b,c đều đúng.

28. Người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động bao nhiêu lần trong 01 năm?

a. Ít nhất một lần

b. Tất cả người lao động đều được khám sức khỏe một lần.

c. Người lao động tự lo cho sức khỏe của mình.

d. Cả a, b, c đều sai.

29. Quyền của người lao động được yêu cầu của người sử dụng lao động:

a. Bảo đảm điều kiện làm việc an toàn, vệ sinh cải thiện điều kiện lao động

b. Trang bị, cung cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân

c. Huấn luyện, thực hiện biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động

d. Cả a và b,c đều đúng.

30. Người sử dụng lao động có trách nhiệm nào sau đây đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- a. Thanh toán phần chi phí đồng chi trả và những chi phí không nằm trong danh mục do bảo hiểm y tế chi trả đối với người lao động tham gia bảo hiểm y tế và thanh toán toàn bộ chi phí y tế từ khi sơ cứu, cấp cứu đến khi điều trị ổn định đối với người lao động không tham gia bảo hiểm y tế.
- b. Trả đủ tiền lương theo hợp đồng lao động cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phải nghỉ việc trong thời gian điều trị.
- c. Bồi thường cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định tại Điều 145 của Bộ luật lao động.

d. cả 3 đáp án trên

31. Người sử dụng lao động có trách nhiệm bồi thường cho người lao động bị tai nạn lao động mà không hoàn toàn do lỗi của chính người lao động gây ra và cho người lao động bị bệnh nghề nghiệp như thế nào?

a. Ít nhất bằng 1,5 tháng tiền lương nếu bị suy giảm từ 5% đến 10% khả năng lao động; sau đó cứ tăng 1% được cộng thêm 0,4 tháng tiền lương nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 11% đến 80%;

b. Ít nhất 30 tháng tiền lương cho người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc cho thân nhân người lao động bị chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

c. Cả a, b đều đúng.

32. Người sử dụng lao động có trách nhiệm trả tiền lương cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phải nghỉ việc trong thời gian điều trị, phục hồi chức năng lao động như thế nào?

a. Trả 75% tiền lương cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phải nghỉ việc trong thời gian điều trị, phục hồi chức năng lao động;

b. Trả 85% tiền lương cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phải nghỉ việc trong thời gian điều trị, phục hồi chức năng lao động;

c. Trả đủ tiền lương cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phải nghỉ việc trong thời gian điều trị, phục hồi chức năng lao động.

33. Người sử dụng lao động có trách nhiệm bồi thường cho người lao động bị tai nạn lao động mà không hoàn toàn do lỗi của chính người lao động gây ra và cho người lao động bị bệnh nghề nghiệp như thế nào?

a. Ít nhất bằng 1,5 tháng tiền lương nếu bị suy giảm từ 5% đến 10% khả năng lao động; sau đó cứ tăng 1% được cộng thêm 0,4 tháng tiền lương nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 11% đến 80%;

b. Ít nhất 30 tháng tiền lương cho người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc cho thân nhân người lao động bị chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

c. Cả a, b đều đúng.

34. Mức hưởng trợ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của BHXH được tính như thế nào?

a. Từ 5% đến 30% được hưởng trợ cấp một lần với mức: Suy giảm 5% khả năng lao động thì được hưởng 5 lần mức lương cơ sở, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 0,5 lần mức lương cơ sở cộng với mức số năm đã đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, từ một năm trở xuống thì được tính bằng 0,5 tháng tiền lương đóng BHXH, sau đó cứ thêm mỗi năm được tính thêm 0,3 tháng tiền lương đóng BHXH của tháng liền kề trước tháng bị TNLĐ, BNN. Công thức tính: {5 lần lương cơ sở + (tỷ lệ % suy giảm khả năng lao động - 5) x 0,5 x lương cơ sở} + {0,5 x lương đóng BHXH + (số năm đóng BHXH - 1) x 0,3 x lương đóng BHXH }

b. Từ 31% trở lên được hưởng trợ cấp hàng tháng với mức: Suy giảm 31% khả năng lao động thì được hưởng bằng 30% mức lương cơ sở, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 2% mức lương cơ sở cộng với trợ cấp tính theo số năm đã đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, từ một năm trở xuống được tính bằng 0,5% tháng tiền lương đóng BHXH, sau đó cứ thêm mỗi năm được tính thêm 0,3% mức tiền lương đóng BHXH của tháng liền kề trước tháng bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. công thức tính {0,3 lần lương cơ sở + (tỷ lệ % suy giảm khả năng lao động - 31) x 0,02 x lương cơ sở} + {0,005 x lương đóng BHXH + (số năm đóng BHXH - 1) x 0,003 x lương đóng BHXH }

c. Cả a, b đều đúng

35. Công đoàn là tổ chức đại diện cho:

- a. *Người lao động.*
- b. Người sử dụng lao động.
- c. Đại diện cho pháp luật.
- d. Tất cả đều đúng.

36. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức Công đoàn là:

- a. Công đoàn cơ sở thay mặt cho người lao động ký thỏa ước lao động tập thể với người sử dụng lao động.

- b. Tiến hành kiểm tra việc hấp hành pháp luật, chế độ chính sách về bảo hộ lao động.
- c. Cử đại diện tham gia vào các đoàn điều tra tai nạn lao động.
- d. Tất cả đều đúng.*

37. Nếu vi phạm các quy định về an toàn lao động có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Bộ luật hình sự khi:

- a. Vệ sinh lao động gây thiệt hại cho tính mạng.
- b. Gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe người khác.
- c. Gây tổn thất lớn về tài sản, của cải vật chất.
- d. Cả a và b,c đều đúng.*

38. Khen thưởng, xử phạt về ATVSLĐ là một yêu cầu không thể thiếu được nhằm làm cho:

- a. Luật pháp, chế độ, chính sách về ATVSLĐ được chấp hành thực hiện nghiêm chỉnh.
- b. Động viên kịp thời những điển hình tốt.
- c. Xử lý nghiêm và đúng những tập thể, cá nhân vi phạm các quy định về ATVSLĐ
- d. Tất cả đều đúng.*

39. Khi thấy nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, đe dọa nghiêm trọng tính mạng, sức khỏe của mình người lao động phải làm gì?

- a. Từ chối làm công việc hoặc rời bỏ nơi làm việc.
- b. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định khai báo, điều tra tai nạn lao động.
- c. Từ chối trở lại nơi làm việc nói trên nếu những nguy cơ đó chưa được khắc phục.
- d. Phải báo cáo ngay với người phụ trách trực tiếp.
- e. Cả a, c và d*

III. VỆ SINH LAO ĐỘNG

40. Vệ sinh lao động là môn khoa học nghiên cứu ảnh hưởng của những yếu tố nào sau đây:

- a. Các yếu tố có hại trong sản xuất đối với sức khỏe người lao động tìm các biện pháp cải thiện điều kiện lao động.
- b. Phòng ngừa các bệnh nghề nghiệp.
- c. Nâng cao khả năng lao động cho người lao động.
- d. Tất cả các câu trên đều đúng.*

41. Nội dung của môn vệ sinh lao động bao gồm:

- a. Nghiên cứu đặc điểm vệ sinh của các quá trình sản xuất.
- b. Nghiên cứu việc chữa trị các loại bệnh nghề nghiệp.
- c. Nghiên cứu việc tổ chức lao động và nghỉ ngơi hợp lý.
- d. Nghiên cứu các biến đổi sinh lý, sinh hóa của cơ thể.

e. a, c, d đúng

42. Nghiên cứu các biện pháp để phòng tình trạng mệt mỏi trong lao động, hạn chế ảnh hưởng của các yếu tố tác hại nghề nghiệp trong sản xuất là các mục nào sau đây:

- a. Quy định các tiêu chuẩn vệ sinh, chế độ vệ sinh xí nghiệp và cá nhân, chế độ bảo hộ lao động.
- b. Tổ chức khám tuyển và sắp xếp hợp lý công nhân vào làm ở các bộ phận sản xuất khác nhau trong xí nghiệp.
- c. Quản lý, theo dõi tình hình sức khỏe công nhân, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp.

d. Tất cả các câu trên đều đúng.

43. Tác hại liên quan đến quá trình sản xuất là:

- a. Tiếng ồn và rung động.
- b. Bụi và các chất độc hại trong sản xuất.
- c. Thời gian làm việc liên tục và quá lâu, làm việc liên tục không nghỉ.
- d. Điều kiện vi khí hậu trong sản xuất không phù hợp như: nhiệt độ, độ ẩm cao hoặc thấp, thoáng khí kém...

e. Cả a, b và d đều đúng

44. Tác hại liên quan đến tổ chức lao động là:

- a. Thời gian làm việc liên tục và quá lâu, làm việc liên tục không nghỉ.
- b. Cường độ lao động quá cao không phù hợp với tình trạng sức khỏe công nhân.
- c. Sự hoạt động khẩn trương, căng thẳng quá độ của các hệ thống và giác quan như hệ thần kinh, thính giác, thị giác v.v...

d. Cả a, b, c đều đúng.

45. Những yếu tố có hại nào dưới đây có nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp trong lao động, sản xuất?

- a. Các yếu tố vi khí hậu xấu; chiếu sáng không hợp lý; tiếng ồn và rung động; các loại bụi.

b. Bức xạ và phóng xạ; các hóa chất độc; vi sinh vật có hại; các yếu tố về cường độ lao động, tư thế lao động không hợp lý.

c. Những hóa chất độc; nổ vật lý; nổ hoá học; vật rơi, đổ, sập; những yếu tố vi khí hậu xấu; vi sinh vật có hại; chiếu sáng không hợp lý; tiếng ồn và rung động.

d. Cả a và b.

46. Các yếu tố vật lý và hóa học liên quan đến quá trình sản xuất là:

a. Tiếng ồn và độ rung.

b. Điều kiện vi khí hậu trong sản xuất không phù hợp như: nhiệt độ, độ ẩm cao v.v...

c. Bụi và các chất độc hại trong sản xuất.

d. Cả a, b và c đều đúng.

47. Thiếu hoặc thừa ánh sáng hoặc sắp xếp bố trí hệ thống chiếu sáng không hợp lý là các tác hại liên quan đến:

a. Công nghệ sản xuất.

b. Điều kiện vệ sinh và an toàn lao động.

b. Tổ chức lao động.

c. Cả a,b đều đúng.

48. Phân xưởng chật chội và việc sắp xếp nơi làm việc lộn xộn, mất trật tự ngăn nắp là các tác hại liên quan đến: .

a. Công nghệ sản xuất.

b. Điều kiện vệ sinh và an toàn lao động.

c. Tổ chức lao động.

d. Cả a,b đều sai.

49. Thiếu thiết bị thông gió, chống bụi, chống nóng, chống tiếng ồn, chống hơi khí độc là các tác hại liên quan đến:

a. Công nghệ sản xuất.

b. Điều kiện vệ sinh và an toàn lao động.

c. Chất lượng sản phẩm

d. Tổ chức lao động.

50. Có bao nhiêu bệnh nghề nghiệp đã được nhà nước công nhận bảo hiểm:

a. 21 bệnh

b. 28 bệnh

c. 32 bệnh

d. 34 bệnh

51. Hãy nêu các biện pháp cơ bản nhằm khắc phục điều kiện vi khí hậu xấu trong lao động sản xuất:

a. Cơ giới hóa, tự động hóa; bố trí mặt bằng nhà xưởng, đường đi lại và vận chuyển...; sắp xếp nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm... hợp lý đảm bảo sự di chuyển dễ dàng của các loại máy móc, phương tiện.

b. Biện pháp giảm bức xạ, áp dụng thông gió và điều hòa không khí; làm lán để chống gió lạnh, che nắng, che mưa khi làm việc ngoài trời.

c. Áp dụng thông gió và điều hòa không khí; vệ sinh nơi làm việc, bảo đảm diện tích nơi làm việc, khoảng cách không gian cần thiết cho mỗi người lao động.

d. Áp dụng thông gió và điều hòa không khí; trang bị đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân; làm lán để chống lạnh, che nắng, che mưa khi làm việc ngoài trời.

52. Hãy nêu các biện pháp cơ bản để chống bụi trong lao động sản xuất:

a. Áp dụng các biện pháp cách ly, giảm thiểu tiếng ồn, rung động hoặc các biện pháp giảm tiếng ồn lan truyền, trồng cây xanh. Sử dụng đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân.

b. Áp dụng các biện pháp làm giảm phát sinh bụi từ nguồn gây bụi; phun nước (dạng sương) làm giảm lượng bụi trong không khí; dùng các thiết bị hút bụi; tăng cường vệ sinh công nghiệp. Sử dụng đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân.

c. Áp dụng các biện pháp làm giảm nguồn gây bụi; phun nước làm giảm lượng bụi trong không khí; dùng các thiết bị hút bụi; tăng cường vệ sinh công nghiệp.

d. Phun nước làm giảm lượng bụi trong không khí; dùng các thiết bị hút bụi; tăng cường vệ sinh công nghiệp, đặc biệt là quan tâm đến các bụi dễ gây ra cháy nổ

53. Hãy nêu các biện pháp cơ bản để chống ồn và rung trong lao động sản xuất:

a. Cơ giới hóa, tự động hóa; áp dụng thông gió và điều hòa không khí; trang bị đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân;

b. Đảm bảo khoảng cách quy định từ nguồn ồn đến nơi người lao động làm việc, giảm ngay tiếng ồn từ nguồn gây ồn và sử dụng đầy đủ các phương tiện, bảo vệ cá nhân.

c. Xử lý chất thải và nước thải; tổ chức thời giờ làm việc và nghỉ ngơi; áp dụng các biện pháp chăm sóc sức khỏe người lao động, bồi dưỡng, điều dưỡng... phục hồi sức khỏe.

d. Đảm bảo khoảng cách quy định từ nguồn ồn đến nơi người lao động làm việc, giảm ngay tiếng ồn từ nguồn gây ồn, áp dụng các biện pháp cách ly, triệt tiêu tiếng ồn, rung hoặc các biện pháp giảm tiếng ồn lan truyền, trồng cây xanh.....

54. Hãy nêu một số biện pháp tổ chức sản xuất, tổ chức lao động đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp:

- a. Bố trí mặt bằng nhà xưởng, đường đi lại và vận chuyển...; sắp xếp nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm... hợp lý.
- b. Vệ sinh nơi làm việc, cần bảo đảm diện tích nơi làm việc, khoảng cách không gian cần thiết cho mỗi người lao động.
- c. Xử lý chất thải và nước thải; tổ chức thời giờ làm việc và nghỉ ngơi; chăm sóc sức khỏe người lao động, thực hiện chế độ bồi dưỡng, điều dưỡng.

d. Cả a, b và c.

55. Hãy nêu các yếu tố liên quan, chi phối nhiều đến tâm lý, sinh lý người lao động trong lao động sản xuất:

- a. Tổ chức thời giờ làm việc và nghỉ ngơi; chăm sóc sức khỏe người lao động, thực hiện chế độ bồi dưỡng, điều dưỡng... Sử dụng đúng và đầy đủ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân.
- b. Máy móc thiết bị phải phù hợp với cơ thể của người lao động, không đòi hỏi người lao động làm việc quá căng thẳng, nhịp độ quá khẩn trương và thực hiện những thao tác gò bó kéo dài.
- c. Máy móc thiết bị phải phù hợp với nhân trắc của người lao động, tạo điều kiện để người lao động yên tâm công tác, gắn bó với công việc, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

d. Cả a và c.

56. Các biện pháp đề phòng tác hại nghề nghiệp:

- a. Biện pháp kỹ thuật công nghệ, biện pháp kỹ thuật vệ sinh.
- b. Biện pháp phòng hộ cá nhân, biện pháp tổ chức lao động khoa học.
- c. Biện pháp y tế dự phòng.

d. Tất cả a,b,c đều đúng.

57. Vấn đề tăng năng suất lao động và chống mệt mỏi theo nguyên tắc 5S là:

- a. Dọn dẹp, sắp xếp, lau dọn, vệ sinh, kỷ luật.*
- b. Tổ chức, sắp xếp, lau dọn, vệ sinh, kỷ luật.
- c. Dọn dẹp, sắp xếp, tổ chức, vệ sinh, kỷ luật.

d. Cả a,b,c đều đúng.

58. Vi khí hậu là trạng thái lý học của không khí trong khoảng không gian thu hẹp. Bao gồm các yếu tố nào sau đây:

a. Nhiệt độ, độ ẩm, bức xạ nhiệt.

b. Nhiệt độ, độ ẩm, bức xạ nhiệt và vận tốc chuyển động không khí.

c. Nhiệt độ, độ ẩm, vi khuẩn.

d. Nhiệt độ, độ ẩm, bức xạ nhiệt, tiếng ồn, rung động.

59. Các biện pháp phòng chống vi khí hậu xấu là:

a. Tổ chức sản xuất lao động hợp lý, phòng hộ cá nhân.

b. Quy hoạch nhà xưởng và các thiết bị, thông gió, làm nguội vật liệu.

c. Thiết bị và quá trình công nghệ.

d. Tất cả các câu đều đúng

60. Tiếng ồn cơ khí phát sinh trong môi trường lao động là:

a. Trục động cơ bị rơ mòn, độ cứng vững của hệ thống công nghệ kém.

b. Quá trình gia công rèn, dập.

c. Khí không khí chuyển động với tốc độ cao (động cơ phản lực).

d. Tiếng nổ hoặc xung động do nhiên liệu cháy gây ra.

61. Tiếng ồn cơ khí phát sinh tại các xưởng:

a. Xưởng dệt, may

b. Xưởng lắp ráp điện tử

c. Xưởng khoan, tiện, phay...

d. Tất cả đều đúng.

62. Các biện pháp chung phòng chống tiếng ồn và rung động là:

a. Các biện pháp quy hoạch xây dựng, kết cấu bao che chống tiếng ồn và rung động.

b. Hạn chế sự lan truyền tiếng ồn ngay trong phạm vi nhà xưởng.

c. Trồng các dải cây xanh bảo vệ để chống ồn và làm sạch môi trường.

d. Cả a,b và c đều đúng.

63. Các phương án giảm ảnh hưởng của tiếng ồn tới người lao động là:

a. Hiện đại hóa thiết bị, hoàn thiện quá trình công nghệ.

b. Cách ly khu vực có nguồn ồn

c. Sử dụng bịt tai và nút tai chống ồn

d. Cả a,b và c đều đúng.

64. Các nguyên tắc giảm tiếng ồn trên đường lan truyền là:

a. Nguyên tắc hút âm.

b. Nguyên tắc cách âm.

- c. *Cả a và b đều đúng.* d. Cả a và b đều sai.

65. Biện pháp giảm rung cho thiết bị máy móc là:

- a. Gia cố móng thiết bị b. Cân bằng cho thiết bị
c. Lắp lò xo giảm chấn d. *Cả a,b và c đều đúng.*

66. Người ta phân loại bụi theo cách nào sau đây:

- a. Theo nguồn gốc. b. Theo kích thước hạt bụi.
c. Theo tác hại. d. *Tất cả đều đúng.*

67. Những hạt bụi nào vào phổi nhiều nhất và gây hại nhiều hơn:

- a. *bụi dưới 5 μm* b. Hạt bụi thô
c. Bụi trên 10 μm d. Cả a và b đều đúng.

68. Bụi gây nhiều tác hại cho con người thường là các bệnh nào sau đây:

- a. Bệnh về đường hô hấp. b. Bệnh ngoài da.
c. Bệnh trên đường tiêu hóa v.v... d. *Tất cả các bệnh trên.*

69. Các biện pháp phòng chống bụi hiệu quả là:

- a. Thay đổi công nghệ sản xuất b. Thay đổi nguyên vật liệu
c. Tổ chức hút và xử lý bụi d. *Tất cả đều đúng.*

70. Thiết bị lọc bụi nào dưới đây sử dụng nguyên lý trọng lực để lắng bụi:

- a. *Thiết bị lọc bụi quán tính* b. Lọc bụi tĩnh điện
c. Lọc bụi tay áo d. Lọc bụi bằng lưới lọc

71. Thiết bị lọc bụi làm cho hạt bụi bị mất động năng và rơi xuống dưới đây là:

- a. Thiết bị lọc bụi kiểu quán tính. b. Thiết bị lọc bụi tĩnh điện.
c. *Thiết bị lọc bụi kiểu ly tâm.* d. Buồng lắng bụi.

72. Mục đích của thông gió là:

- a. Thông gió chống nóng. b. Thông gió chống bụi và hơi khí độc.
c. Thông gió chống nóng và khử độc. d. *Cả a,b đều đúng.*

73. Mục đích của việc đảm bảo ánh sáng trong lao động là:

- a. Phân biệt được các chi tiết cần thao tác.
b. Giữ được khả năng làm việc lâu hơn và không bị mệt mỏi.
c. *Cả a,b đều đúng.*
d. Cả a,b đều sai.

74. Chiếu sáng nhân tạo bằng đèn nung sáng thường có ưu điểm gì:

- a. Đèn nung sáng rẻ tiền, dễ chế tạo, dễ bảo quản và sử dụng.
- b. Phát sáng ổn định, không phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường.
- c. Đèn nung sáng có khả năng phát sáng tập trung và cường độ lớn thích hợp cho chiếu sáng cục bộ.

d. Cả a, b, c đều đúng

75. Đèn huỳnh quang có ưu điểm gì sau đây:

- a. Giá thành cao, sử dụng phức tạp hơn.
- b. **Hiệu suất phát sáng cao, thời gian sử dụng dài vì thế hiệu quả kinh tế cao.**
- c. Chỉ phát quang ổn định khi nhiệt độ trong không khí dao động trong khoảng $15\div 35^{\circ}\text{C}$ điện áp thay đổi khoảng 10% đã làm đèn không làm việc được.
- d. Tất cả đều đúng.

76. Thiết bị chiếu sáng có những nhiệm vụ nào sau đây:

- a. Phân bố ánh sáng phù hợp với mục đích chiếu sáng.
- b. Bảo vệ cho mắt trong khi làm việc không bị quá chói do độ chói quá cao của nguồn sáng.
- c. Bảo vệ nguồn sáng tránh va chạm, bị gió, mưa, nắng, bụi...

d. Tất cả đều đúng

77. Khi nhiễm xạ cấp tính thường có các triệu chứng nào sau đây:

- a. Chức phận thần kinh trung ương bị rối loạn.
- b. Da bị bỏng, tấy đỏ ở chỗ tia phóng xạ chiếu vào.
- c. Cơ quan tạo máu bị tổn thương nặng. Gầy, sút cân.

d. Tất cả đều đúng.

78. Nhiễm xạ trong một thời gian dài và thường có các triệu chứng nào sau đây:

- a. Thần kinh bị suy nhược.
- b. Rối loạn các chức năng tạo máu.
- c. Có hiện tượng đục nhân mắt, ung thư da, ung thư xương.

d. Tất cả đều đúng.

79. Để hạn chế tác động của điện từ trường, người ta thường dùng các biện pháp nào sau đây:

- a. Dùng các màn chắn bằng những kim loại có độ dẫn điện cao.
- b. Nối đất vỏ máy .

c. Cả a và b đều đúng.

d. Cả a và b đều sai.

80. Trong khi sử dụng các thiết bị cao tần cần chú ý các vấn đề nào sau đây:

- a. Đề phòng điện giật, cần tuân thủ các quy tắc an toàn.
- b. Phần kim loại của thiết bị phải được nối đất.
- c. Các dây nối đất nên ngắn và không cuộn tròn thành nguồn cảm hứng.
- d. **Cả 3 câu đều đúng.**

81. Khu dân cư, khu vực có người làm việc thường xuyên cường độ điện trường phải có giới hạn an toàn là:

- a. Dưới 5 (kV/m).
- b. Từ 5÷10 (kV/m).
- c. Trên 10 (kV/m).
- d. Tất cả đều sai.

82. Các yếu tố nào sau đây có thể gây bệnh nghề nghiệp cho người lao động trong quá trình sản xuất?

- a. Bức xạ và phóng xạ.
- b. Tiếng ồn và rung động.
- c. Nguồn nhiệt.
- d. **Bức xạ, phóng xạ, tiếng ồn và rung động.**

IV. KỸ THUẬT AN TOÀN

83. Hãy nêu các hình thức phân loại các thiết bị tín hiệu, báo hiệu được áp dụng để phòng ngừa tai nạn lao động:

- a. Tín hiệu ánh sáng; tín hiệu màu sắc; tín hiệu âm thanh và dấu hiệu an toàn.
- b. Dấu hiệu an toàn; dấu hiệu nguy hiểm; tín hiệu ánh sáng; tín hiệu âm thanh; cảnh báo an toàn.
- c. Tín hiệu màu sắc; tín hiệu bằng còi, chuông.
- d. **Cả b và c.**

84. Hãy nêu định nghĩa về tín hiệu, báo hiệu:

- a. Là phương tiện báo cho người lao động biết trước các yếu tố có hại và hướng dẫn biện pháp thực hiện để tránh bị ảnh hưởng của các yếu tố có hại sức khỏe người lao động.
- b. Là phương tiện nhắc nhở người lao động và hướng dẫn biện pháp thực hiện để tránh bị ảnh hưởng của các yếu tố nguy hiểm.

c. Là phương tiện báo cho người lao động biết trước mỗi nguy hiểm để ngăn ngừa tai nạn lao động.

d. Cả a và b.

85. Hãy nêu mục đích của việc sử dụng tín hiệu màu sắc trong việc phòng tránh tai nạn lao động:

a. Dùng để báo hiệu cho mọi người biết các mối nguy hiểm cũng như biết tình trạng hoạt động của máy móc, thiết bị.

b. Hướng dẫn quy trình vận hành, thao tác và sửa chữa bảo dưỡng thiết bị, máy móc, dây chuyền sản xuất cho người lao động.

c. Giúp người lao động phân biệt được công dụng của các chi tiết, bộ phận trong hệ thống điều khiển, các loại đường ống công nghệ, các loại chai chứa khí, các dây dẫn trong hệ thống điện...

d. Cả a, b và c.

86. Hãy nêu mục đích của việc sử dụng tín hiệu âm thanh trong việc phòng tránh tai nạn lao động:

a. Dùng để báo hiệu cho người lao động biết các mối nguy hiểm cũng như biết tình trạng hoạt động của máy móc, thiết bị khi mở máy hay khi gặp sự cố...

b. Giúp người lao động phân biệt được tình trạng của các chi tiết, bộ phận trong hệ thống điều khiển, các loại đường ống công nghệ, các loại chai chứa khí, các dây dẫn trong hệ thống điện...

c. Hướng dẫn quy trình vận hành, thao tác và sửa chữa bảo dưỡng thiết bị, máy móc, dây chuyền sản xuất cho người lao động.

d. Cả a và c.

87. Hãy nêu khái niệm khoảng cách an toàn để phòng tránh tai nạn lao động:

a. Là khoảng không gian lớn nhất giữa người lao động và các loại phương tiện, thiết bị, hoặc khoảng cách lớn nhất giữa phương tiện, thiết bị với nhau để không bị tác động xấu của các yếu tố sản xuất.

b. Là khoảng không gian nhỏ nhất giữa người lao động và các loại phương tiện, thiết bị, hoặc khoảng cách nhỏ nhất giữa phương tiện, thiết bị với nhau để không bị tác động xấu của các yếu tố sản xuất.

c. Là khoảng cách để báo cho người lao động biết trước mỗi nguy hiểm và hướng dẫn biện pháp thực hiện để tránh bị ảnh hưởng của các yếu tố nguy hiểm.

d. Là khoảng không gian nhỏ nhất giữa người lao động và các loại phương tiện, thiết bị để không bị tác động xấu của các yếu tố sản xuất.

88. Nguyên tắc và tiêu chuẩn để bố trí số lượng cán bộ kiểm tra kỹ thuật ATVSLĐ là dựa vào:

- a. Dựa vào tính chất sản xuất.
- b. Điều kiện lao động phức tạp dễ xảy ra tai nạn lao động.
- c. Cả a và b đều đúng.**
- d. Cả a và b đều sai.

89. Nhiệm vụ của tổ chức chuyên trách kiểm tra kỹ thuật an toàn là:

- a. Giúp giám đốc xí nghiệp tổ chức chỉ đạo việc thực hiện công tác ATVSLĐ
- b. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy phạm quy trì về kỹ thuật an toàn, ngăn chặn kịp thời tai nạn lao động.
- c. Cả a và b đều đúng.**
- d. Cả a và b đều sai.

90. Quyền hạn của tổ chức chuyên trách kiểm tra kỹ thuật ATVSLĐ là:

- a. Được tham dự vào các cuộc hội nghị lập và xét kế hoạch ATVSLĐ
- b. Được tham gia vào việc tiếp nhận những công trình mới xây dựng, mở rộng thêm.
- c. Được phát biểu ý kiến trong nhận xét thi đua khi đơn vị xét thi đua về thực hiện kế hoạch sản xuất của các đơn vị hoặc của cá nhân.
- d. Cả 3 câu đều đúng.**

91. Một số yêu cầu đối với cán bộ kiểm tra kỹ thuật an toàn là phải:

- a. Nắm vững đường lối chính sách của đảng và nhà nước về ATVSLĐ
- b. Nắm vững các qui phạm và các qui trình kỹ thuật an toàn của ngành nghề.
- c. Hiểu biết và làm tốt những vấn đề về nghiệp vụ khi thực hiện các công việc kiểm tra công tác lập kế hoạch ATVSLĐ , tổ chức huấn luyện về ATVSLĐ
- d. Cả 3 câu đều đúng.**

92. Công tác kiểm tra của cán bộ kỹ thuật cần chú ý kiểm tra vào các thời gian nào sau đây:

- a. Đầu tuần, cuối tuần, đầu giờ, cuối giờ.
- b. Trước ngày lễ, sau ngày lễ.
- c. Thời gian thực hiện kế hoạch nước rút.
- d. Cả 3 câu đều đúng.**

93. Kỹ thuật an toàn là một hệ thống gồm có:

- a. Các phương tiện kỹ thuật.
- b. Các thao tác làm việc.
- c. Nội quy, quy trình, quy phạm.
- d. *Cả a và b đều đúng.*

94. Phương tiện kỹ thuật bao gồm:

- a. *Máy móc, thiết bị, bộ phận, dụng cụ, chi tiết.*
- b. Cách thức, trình tự làm việc.
- c. Nội quy, quy trình, quy phạm.
- d. Cả 3 câu đều đúng.

95. Các thao tác làm việc bao gồm;

- a. Cách thức, trình tự làm việc.
- b. Nội quy, quy trình, quy phạm.
- c. Máy móc, thiết bị.
- d. *Câu a và b*

96. Các bộ phận truyền động bao gồm:

- a. *Trục máy, bánh răng, dây đai truyền.*
- b. Ô tô, máy trục, tàu hỏa, máy kéo.
- c. Máy bay, tàu thủy.
- d. Tất cả các câu đều đúng.

97. Các yếu tố nguy hiểm trong sản xuất là:

- a. Các bộ phận truyền động và chuyển động.
- b. Các nguồn nhiệt.
- c. Nguồn điện.
- d. *Tất cả các câu đều đúng.*

98. Sự nổ của các bình chịu áp suất cao là hiện tượng:

- a. *Nổ vật lý.*
- b. Sự nổ của kim loại chảy lỏng.
- c. Nổ hóa chất.
- d. Tất cả các câu đều đúng.

99. Các biện pháp bảo đảm an toàn cho máy móc gồm có;

- a. Thiết bị che chắn.
- b. Thiết bị bảo hiểm hay thiết bị phòng ngừa.
- c. Tín hiệu, báo hiệu.
- d. *Tất cả các câu đều đúng.*

100. Thiết bị bảo hiểm hay thiết bị phòng ngừa bao gồm:

- a. Hệ thống có thể tự động phục hồi lại.
- b. Hệ thống phục hồi lại khả năng làm việc bằng tay.
- c. Hệ thống phục hồi lại khả năng làm việc bằng cách thay thế cái mới.
- d. *Tất cả các câu đều đúng.*

101. Cơ cấu điều khiển bảo đảm an toàn bao gồm:

- a. Tín hiệu, báo hiệu.
- b. Điều khiển từ xa và tự động hóa.
- c. Phanh hãm.
- d. *b và c đúng*

102. Khoảng cách bảo đảm an toàn bao gồm:

- a. Khoảng cách an toàn về vệ sinh lao động.
- b. Khoảng cách an toàn giữa các phương tiện vận chuyển.
- c. Khoảng cách an toàn về điện, khoảng cách an toàn nổ mìn.
- d. *Tất cả các câu đều đúng.*

V. AN TOÀN ĐIỆN

103. Các tai nạn về điện có thể xảy ra là do:

- a. Điện giật và đốt cháy do điện
- b. Hỏa hoạn, cháy nổ do điện
- c. Do sử dụng điện áp thấp.
- d. *a và b đúng*

104. Các tình huống dẫn đến tai nạn điện giật là do:

- a. Chạm điện trực tiếp.
- b. Chạm điện gián tiếp.
- c. *Cả a và b đúng.*
- d. Cả a và b đều sai.

105. Tác động của dòng điện đối với cơ thể người bao gồm những tác động

- a. Nhiệt của dòng điện.
- b. Điện phân của dòng điện.
- c. Sinh học của dòng điện.
- d. *Tất cả các câu đều đúng.*

106. Tỷ lệ tai nạn điện giật theo lứa tuổi nhiều nhất là;

- a. Dưới 20 tuổi.
- b. *21 ÷ 30 tuổi .*
- c. 31 ÷ 40 tuổi.
- d. Trên 40 tuổi.

107. Điện áp tiếp xúc (điện áp chạm) của con người với điện trong khu vực ướt cho phép thường là:

- a. $U_{txcp} = 50V$.
- b. $U_{txcp} = 25V$.
- c. *$U_{txcp} = 12V$.*
- d. Cả a,b và c cùng đúng.

108. Dòng điện đi qua người và tỷ lệ phần trăm của dòng điện tổng đi qua tim theo đường nào là lớn nhất.

- a. Từ tay qua tay.
- b. Từ tay trái qua chân.
- c. *Từ tay phải qua chân.*
- d. Từ chân sang chân.

109. Khi có người bị điện giật muốn tách nạn nhân ra khỏi nguồn điện ta có thể cắt được nguồn điện ta dùng các biện pháp nào sau đây:

- a. Cắt các thiết bị đóng cắt gần nạn nhân nhất như công tắc, cầu dao, áp-tô-

mát...

b. Có thể dùng dao, búa, rìu v.v... có cán cách điện để chặt đứt dây dẫn điện.

c. Cả câu a và b cùng đúng.

d. Cả câu a và b cùng sai.

110. Cấp cứu nạn nhân bị điện giật ngay sau khi tách ra khỏi nguồn điện khi chưa mất tri giác ta cần phải làm các công việc nào sau đây:

a. Cần đặt nạn nhân ở nơi thoáng khí, yên tĩnh.

b. Cấp tốc đi mời y, bác sỹ ngay.

c. Chuyển người bị nạn đến cơ quan y tế gần nhất.

d. Cả a và b,c cùng đúng.

111. Quy tắc chung đảm bảo an toàn điện là vấn đề nào sau đây:

a. Phải che chắn các thiết bị và bộ phận mang điện.

b. Phải chọn đúng điện áp sử dụng và thực hiện nối đất.

c. Nghiêm chỉnh sử dụng các thiết bị, dụng cụ và bảo vệ khi làm việc.

d. Tất cả các câu đều đúng.

112. Các biện pháp chủ động để phòng tai nạn do điện gây ra là:

a. Đảm bảo tốt cách điện của thiết bị.

b. Đảm bảo khoảng cách an toàn, bao che, rào chắn các bộ phận mang điện.

c. Sử dụng điện áp thấp, máy biến áp cách ly. Sử dụng tín hiệu, biển báo, khóa liên động.

d. Tất cả các câu đều đúng.

113. Các biện pháp để ngăn ngừa, hạn chế tai nạn điện là:

a. Thực hiện nối dây trung tính bảo vệ. Thực hiện nối đất bảo vệ, cân bằng thế,...

b. Sử dụng máy cắt điện an toàn, thiết bị chống rò điện (máy cắt vi sai).

c. Sử dụng tín hiệu, biển báo, khóa liên động.

d. a và b đúng

114. Để nối đất bảo vệ thiết bị ta dùng biện pháp nào sau đây:

a. Nối đất làm việc.

b. Nối đất an toàn (nối đất bảo vệ).

c. Nối đất chống sét.

d. Cả ba loại trên đều đúng.

115. Nối đất chống sét ta có thể dùng biện pháp nào sau đây:

a. Nối đất tự nhiên, nối đất nhân tạo.

b. Nối đất làm việc.

c. Nối đất an toàn (nối đất bảo vệ).

d. Cả ba loại trên đều đúng.

116. Khi nối đất nên tận dụng các kết cấu có vật liệu dẫn điện có sẵn trong đất như:

a. Người giám sát an toàn điện

b. Người cấp phiếu.

c. Người cho phép.

d. Người chỉ huy trực tiếp.

123. Làm việc có cắt điện hoàn toàn được quy định như thế nào là đúng:

a. Công việc làm ở thiết bị điện ngoài trời đã được cắt điện từ mọi phía (kể cả đầu vào của đường dây trên không và đường cáp), các lối đi ra phân phối ngoài trời hoặc thông sang phòng bên cạnh đang có điện đã khoá cửa; trong trường hợp đặc biệt thì chỉ có nguồn điện hạ áp để tiến hành công việc.

b. Công việc làm ở thiết bị điện trong nhà đã được cắt điện từ mọi phía (kể cả đầu vào của đường dây trên không và đường cáp), các lối đi ra phân phối ngoài trời hoặc thông sang phòng bên cạnh đang có điện đã khoá cửa; trong trường hợp đặc biệt thì chỉ có nguồn điện hạ áp để tiến hành công việc.

c. Công việc làm ở thiết bị điện ngoài trời hoặc trong nhà đã được cắt điện từ mọi phía (kể cả đầu vào của đường dây trên không và đường cáp), các lối đi ra phân phối ngoài trời hoặc thông sang phòng bên cạnh đang có điện đã khoá cửa; trong trường hợp đặc biệt thì chỉ có nguồn điện hạ áp để tiến hành công việc.

d. Cả a, b và c đều sai.

124. Công việc làm ở thiết bị điện ngoài trời hoặc trong nhà chỉ có một phần được cắt điện để làm việc hoặc thiết bị điện được cắt điện hoàn toàn nhưng các lối đi ra phân phối ngoài trời hoặc thông sang phòng bên cạnh có điện vẫn mở cửa- là:

a. Làm việc có cắt điện một phần.

b. Làm việc có cắt điện hoàn toàn

c. Làm việc có điện.

d. Cả a, b và c đều sai.

125. Công việc làm ở thiết bị đang mang điện, có sử dụng các trang bị, dụng cụ chuyên dùng- là:

a. Làm việc có cắt điện một phần.

b. Làm việc có cắt điện hoàn toàn

c. Làm việc có điện.

d. Cả a, b và c đều sai.

126. Phương tiện bảo vệ cá nhân là gì:

a. Là trang bị mà nhân viên đơn vị công tác phải sử dụng để phòng ngừa tai nạn cho chính mình.

b. Là trang bị mà đơn vị công tác phải sử dụng để phòng ngừa tai nạn cho đơn vị công tác.

c. Là các trang thiết bị kỹ thuật an toàn.

d. Cả a, b và c đều đúng.

127. Để đảm bảo an toàn điện thì mọi công việc khi tiến hành trên thiết bị và vật liệu điện, ở gần hoặc liên quan đến thiết bị điện và vật liệu điện đang mang điện đều phải:

a. Thực hiện theo phiếu công tác

b. Thực hiện theo lệnh công tác

c. Thực hiện theo phiếu công tác hoặc lệnh công tác

d. Thực hiện theo phiếu công tác và lệnh công tác

128. Để đảm bảo an toàn điện thì mọi công việc khi tiến hành trên thiết bị và vật liệu điện, ở gần hoặc liên quan đến thiết bị điện và vật liệu điện đang mang điện đều phải:

a. Thực hiện theo phiếu giao nhiệm vụ.

b. Thực hiện theo phiếu thao tác và phiếu công tác

c. Thực hiện theo phiếu thao tác và lệnh công tác

d. Thực hiện theo phiếu công tác hoặc lệnh công tác

129. Để đảm bảo an toàn điện thì mọi công việc khi tiến hành trên thiết bị và vật liệu điện, ở gần hoặc liên quan đến thiết bị điện và vật liệu điện đang mang điện đều phải:

a. Thực hiện theo phiếu công tác

b. Thực hiện theo lệnh công tác

c. Thực hiện theo a hoặc b

d. Thực hiện theo a và b đều đúng

130. Để đảm bảo an toàn điện, cấm ra mệnh lệnh hoặc giao công việc cho những người:

- a. Chưa được kiểm tra đạt yêu cầu Quy trình an toàn điện, chưa biết rõ những việc sẽ phải làm
- b. Chưa được huấn luyện, kiểm tra đạt yêu cầu Quy trình an toàn điện, chưa biết rõ những việc sẽ phải làm
- c. Chưa được huấn luyện, kiểm tra đạt yêu cầu Quy trình an toàn điện và các quy trình có liên quan
- d. Chưa được huấn luyện, kiểm tra đạt yêu cầu Quy trình an toàn điện và các quy trình có liên quan, chưa biết rõ những việc sẽ phải làm.*

131. Để đảm bảo an toàn, những mệnh lệnh không đúng Quy trình an toàn và các quy trình có liên quan khác, có nguy cơ mất an toàn cho người hoặc thiết bị thì người nhận lệnh có quyền:

- a. Không chấp hành
- b. Không chấp hành, nếu người ra lệnh không chấp thuận thì người nhận lệnh vẫn phải chấp hành, sau đó được quyền báo cáo với cấp trên
- c. Không chấp hành và báo cáo với cấp trên
- d. Không chấp hành, nếu người ra lệnh không chấp thuận thì người nhận lệnh được quyền báo cáo với cấp trên*

132. Để đảm bảo an toàn điện, khi phát hiện cán bộ, công nhân vi phạm Quy trình an toàn điện và các quy trình có liên quan khác, có nguy cơ đe dọa đến tính mạng con người và an toàn thiết bị, người phát hiện phải:

- a. Lập tức ngăn chặn
- b. Báo cáo với cấp có thẩm quyền
- c. Lập tức ngăn chặn và báo cáo với cấp trên
- d. Cả a và b*

133. Để đảm bảo an toàn điện, người trực tiếp làm công tác quản lý vận hành, kinh doanh, thí nghiệm, sửa chữa, xây lắp điện phải:

- a. Có giấy chứng nhận sức khỏe đủ tiêu chuẩn theo yêu cầu công việc.
- b. Có giấy chứng nhận sức khỏe đủ tiêu chuẩn do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp
- c. Có giấy chứng nhận sức khỏe đủ tiêu chuẩn theo yêu cầu công việc do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp
- d. Có giấy chứng nhận sức khỏe đủ tiêu chuẩn theo yêu cầu công việc do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp theo quy định hiện hành*

134. Để đảm bảo an toàn điện thì những quy định chung nào sau đây là đúng:

a. Nhân viên mới phải qua thời gian kèm cặp của nhân viên có kinh nghiệm để có trình độ kỹ thuật và an toàn theo yêu cầu của công việc, sau đó phải được kiểm tra bằng bài viết và vấn đáp trực tiếp, đạt yêu cầu mới được giao nhiệm vụ

b. Khi phát hiện có người bị điện giật, trong bất kỳ trường hợp nào người phát hiện cũng phải tìm biện pháp nhanh nhất để tách nạn nhân ra khỏi mạch điện và cứu chữa người bị nạn

c. Người trực tiếp làm công tác quản lý vận hành, kinh doanh, thí nghiệm, sửa chữa, xây lắp điện phải có giấy chứng nhận sức khỏe đủ tiêu chuẩn theo yêu cầu công việc do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp theo quy định hiện hành

d. Cả a, b và c đều đúng

135. Để đảm bảo an toàn điện thì những quy định chung nào sau đây là đúng:

a. Nhân viên mới phải qua thời gian kèm cặp của nhân viên có kinh nghiệm để có trình độ kỹ thuật và an toàn theo yêu cầu của công việc, sau đó phải được kiểm tra bằng bài viết và vấn đáp trực tiếp, đạt yêu cầu mới được giao nhiệm vụ.

b. Khi phát hiện có người bị điện giật, nếu trong trường hợp là điện hạ áp thì người phát hiện cũng phải tìm biện pháp nhanh nhất để tách nạn nhân ra khỏi mạch điện và cứu chữa người bị nạn

c. Người trực tiếp làm công tác quản lý vận hành, kinh doanh, thí nghiệm, sửa chữa, xây lắp điện phải có giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp theo quy định hiện hành

d. cả a, b và c đều đúng

136. Để đảm bảo an toàn điện thì những quy định chung nào sau đây là đúng:

a. Mọi công việc khi tiến hành trên thiết bị và vật liệu điện, ở gần hoặc liên quan đến thiết bị điện và vật liệu điện đang mang điện đều phải thực hiện theo phiếu công tác hoặc lệnh công tác

b. Cấm ra mệnh lệnh hoặc giao công việc cho những người chưa được huấn luyện, kiểm tra đạt yêu cầu Quy trình an toàn điện, chưa biết rõ những việc sẽ phải làm

c. Những mệnh lệnh không đúng Quy trình an toàn điện, có nguy cơ mất an toàn cho người hoặc thiết bị thì người nhận lệnh có quyền không chấp hành, nếu người ra lệnh không chấp thuận thì người nhận lệnh được quyền báo cáo với cấp trên

d. cả a, b và c đều đúng

137. Để đảm bảo an toàn điện thì những quy định chung nào sau đây là đúng:

a. Nhân viên mới phải qua thời gian kèm cặp của nhân viên có kinh nghiệm để có trình độ theo yêu cầu của công việc, sau đó phải được kiểm tra đạt yêu cầu mới được giao nhiệm vụ

b. Cấm ra mệnh lệnh hoặc giao công việc cho những người chưa được huấn luyện, kiểm tra đạt yêu cầu Quy trình an toàn điện và các quy trình có liên quan, chưa biết rõ những việc sẽ phải làm

c. Khi phát hiện cán bộ, công nhân vi phạm Quy trình an toàn điện, có nguy cơ đe dọa đến tính mạng con người và an toàn thiết bị, người phát hiện phải lập tức ngăn chặn và báo cáo với cấp có thẩm quyền

d. Cả a, b và c đều đúng

138. Để đảm bảo an toàn điện thì những quy định chung nào sau đây là đúng:

a. Nhân viên mới phải qua thời gian kèm cặp của nhân viên có kinh nghiệm để có trình độ theo yêu cầu của công việc, sau đó phải được kiểm tra đạt yêu cầu mới được giao nhiệm vụ

b. Khi phát hiện cán bộ, công nhân vi phạm Quy trình an toàn điện và các quy trình có liên quan khác, có nguy cơ đe dọa đến tính mạng con người và an toàn thiết bị, người phát hiện phải lập tức ngăn chặn và báo cáo với cấp có thẩm quyền

c. Cấm ra mệnh lệnh hoặc giao công việc cho những người chưa được huấn luyện, kiểm tra đạt yêu cầu Quy trình an toàn điện, chưa biết rõ những việc sẽ phải làm

d. Cả a, b và c đều đúng.

139. Để đảm bảo an toàn điện thì những quy định chung nào sau đây là đúng:

a. Quản đốc, phó quản đốc phân xưởng (hoặc cấp tương đương), đội trưởng, đội phó đội sản xuất, kỹ thuật viên, kỹ sư trực tiếp sản xuất, công nhân (nhân viên) phải được huấn luyện, kiểm tra về an toàn lao động và quy trình an toàn điện mỗi năm 01 lần vào quý 1

b. Giám đốc, phó giám đốc kỹ thuật cấp công ty (hoặc đơn vị tương đương) công nhận kết quả huấn luyện, xếp bậc an toàn điện, lưu giữ theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền

c. Cả a và b

d. Cả a, b và c đều sai

d. Cả a, b và c

140. Để đảm bảo an toàn nhiệm vụ của cán bộ an toàn các cấp là:

a. Kiểm tra, giám sát các biện pháp an toàn đã đề ra và ghi thông báo an toàn để nhắc nhở khi phát hiện những vi phạm có thể dẫn đến mất an toàn.

b. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các biện pháp an toàn có thể dẫn đến tai nạn, sự cố thì được quyền lập biên bản và đình chỉ công việc để thực hiện đủ, đúng các biện pháp an toàn, đồng thời phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về quyết định của mình.

c. Cả a, b đều sai.

d. Cả a, b đều đúng.

140. Để đảm bảo an toàn; Bộ phận hoặc cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ phải:

a. Chỉ được tiến hành công việc khi đã thực hiện đủ và đúng các biện pháp an toàn đã đề ra.

b. Trong trường hợp vi phạm biện pháp an toàn bị phát hiện, lập biên bản, đình chỉ công việc thì phải ngay lập tức thực hiện đủ, đúng các biện pháp an toàn đã đề ra hoặc được yêu cầu.

c. Chỉ được tiếp tục tiến hành công việc sau khi đã làm đủ, đúng các quy định về an toàn và được cán bộ an toàn chấp thuận.

d. Cả a, b và c

141. Thao tác đóng, cắt điện ở thiết bị điện cao áp:

a. Phải có 2 người thực hiện, một người thao tác và một người giám sát có bậc 3 an toàn điện trở lên.

b. Phải có 2 người thực hiện, một người thao tác và một người giám sát thao tác. Người thao tác phải có bậc 3 an toàn điện trở lên, người giám sát thao tác phải có bậc 4 an toàn điện trở lên.

c. Chỉ cần một nhân viên vận hành thực hiện.

d. Cả a, b và c đều sai.

142. Một công nhân đang làm việc không may bị điện giật, sau khi nạn nhân được tách ra khỏi nguồn điện, nạn nhân đang trong tình trạng ngừng thở ngừng tim, người sơ cứu viên cần:

a. Nhanh chóng chuyển nạn nhân về bệnh viện gần nhất để được cấp cứu kịp thời.

b. Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí, tiến hành ép tim ngoài lồng ngực cho đến khi nạn nhân hồi tỉnh hoặc trên đường vận chuyển nạn nhân đến bệnh viện.

c. Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí, tiến hành thổi ngạt cho đến khi nạn nhân hồi tỉnh hoặc trên đường vận chuyển nạn nhân đến bệnh viện.

d. Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí, đặt nạn nhân nằm đầu thấp trên nền cứng bằng phẳng, đầu ngửa về phía gáy, khai thông đường thở, tiến hành thổi ngạt, ép tim ngoài lồng ngực đúng phương pháp cho đến khi nạn nhân hồi tỉnh hoặc trên đường vận chuyển nạn nhân đến bệnh viện.

VI. AN TOÀN CƠ KHÍ

143. Mục đích chung của kỹ thuật an toàn cơ khí là:

a. Thấy được nguy cơ và nguyên nhân phát sinh tai nạn lao động khi sử dụng máy móc thiết bị.

b. Phát hiện được những thiếu sót về mặt KTAT đối với một số máy móc, thiết bị.

c. Kịp thời kiến nghị và đề xuất biện pháp giải quyết đối với đơn vị sử dụng.

d. Cả a,b và c đều đúng.

144. Máy cơ khí thường có các bộ phận cơ bản cấu thành nào sau đây:

a. Nguồn động lực, bộ phận truyền động, phần máy công tác.

b. Bộ phận chuyển động.

c. Bộ phận gia công.

d. Cả a,b và c đều đúng.

145. Máy gia công cơ khí thường các loại máy nào sau đây:

a. Máy tiện, máy phay, máy bào, máy chuốt.

b. Máy chế biến nông sản.

c. Máy cưa đĩa, máy cưa mâm, máy cưa vòng.

d. Cả a,b và c đều đúng.

146. Máy tiện để gia công cơ khí thường là:

a. Dao chuyển động tịnh tiến lên xuống, phôi đứng yên.

b. Dao tịnh tiến ngang dọc, phôi quay tròn tại chỗ.

c. Dao quay tròn tại chỗ, phôi tịnh tiến ngang dọc lên xuống.

d. Dao tịnh tiến lên xuống; phôi quay tròn; tịnh tiến ngang dọc.

147. Chiều quay của dao quay tròn tại chỗ, phôi tịnh tiến ngang dọc lên xuống là đặc điểm của loại máy nào sau đây:

a. Máy tiện.

b. Máy phay.

c. Máy khoan.

d. Máy xọc.

148. Dao phay tròn và tịnh tiến lên xuống là đặc điểm của loại máy nào sau đây:
- a. Máy tiện.
 - b. Máy phay.
 - c. Máy khoan.
 - d. Máy xọc.
149. Vùng nguy hiểm là khoảng không gian trong đó có các nhân tố nguy hiểm đối với sức khỏe và sự sống của con người xuất hiện là:
- a. Một cách thường xuyên, chu kỳ hoặc bất ngờ.
 - b. Thường theo chu kỳ.
 - c. Hay một cách bất ngờ.
 - d. Cả b và c đều đúng.
150. Đảm bảo an toàn cho người lao động trong quá trình sản xuất chúng ta cần phải làm gì để giảm bớt vùng nguy hiểm:
- a. Thu hẹp chúng, cách ly và vô hiệu hóa.
 - b. Các định được vùng nguy hiểm.
 - c. Quan tâm thường xuyên đến sự nguy hiểm.
 - d. Cả a,b và c đều đúng.
151. Nguyên nhân gây ra tai nạn lao động khi sử dụng máy móc thiết bị thường phụ thuộc vào:
- a. Chất lượng máy.
 - b. Tính chất quy trình công nghệ.
 - c. Việc tổ chức nơi sản xuất và trình độ lành nghề của người sử dụng.
 - d. Cả a,b và c đều đúng.
152. Các nguyên nhân gây ra tai nạn lao động trong quá trình thiết kế thường là:
- a. Không có các bộ phận an toàn, thiếu hệ thống tín hiệu.
 - b. Không tính toán đầy đủ độ bền, độ cứng vững, khả năng chịu mài mòn, độc hại ăn mòn bởi các hóa chất.
 - c. Không tính đến các biện pháp chống rung động, chống tự tháo lỏng của các chi tiết.
 - d. Cả a,b và c đều đúng.
153. Các nguyên nhân gây ra tai nạn lao động trong quá trình chế tạo máy thường là:
- a. Không có các bộ phận an toàn, thiếu hệ thống tín hiệu.
 - b. Vật liệu chế tạo không đúng với vật liệu mà trong bản thiết kế đã tính toán.
 - c. Phương pháp chế tạo không đúng.
 - d. câu a sai

- 154. Các nguyên nhân gây ra tai nạn lao động trong quá trình thiết kế máy thường là:**
- Máy móc, thiết bị không phù hợp với tầm vóc và thể lực của người điều khiển.
 - Vật liệu chế tạo không đúng với vật liệu mà trong bản thiết kế đã tính toán.
 - Phương pháp chế tạo không đúng.
 - Tất cả các câu đều đúng.
- 155. Nguyên nhân gây ra tai nạn lao động do lắp đặt máy móc không tốt thường là:**
- Có khả năng tạo ra ứng suất quá lớn sẽ là nguyên nhân trực tiếp giảm độ chính xác của máy.
 - Gây ra rung động sẽ dẫn đến làm nứt hoặc biến dạng các chi tiết máy.
 - Việc bảo dưỡng và sửa chữa máy trong quá trình sử dụng không tốt.
 - a và b đúng.**
- 156. Những nguyên nhân gây ra tai nạn lao động do lắp đặt máy móc thường được biểu hiện:**
- Việc lắp đặt máy không tốt.
 - Không thỏa mãn các yêu cầu về kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp.
 - Cả a và b đều đúng.**
 - Cả a và b đều sai.
- 157. Bố trí máy móc thiết bị trong một phân xưởng cần phải thỏa mãn các điều kiện nào sau đây:**
- Các máy khi làm việc phát sinh nhiều yếu tố nguy hiểm phải bố trí ở khu vực riêng.
 - Các máy khi làm việc có độ rung mạnh cần phải bố trí cách ly
 - Các máy phải bố trí tránh việc phân tán tư tưởng của người vận hành.
 - Tất cả đều đúng**
- 158. Các nguyên nhân gây ra tai nạn do bảo quản và sử dụng máy móc thiết bị thường là:**
- Không thỏa mãn các yêu cầu kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp
 - Máy móc thiếu các thiết bị an toàn hoặc không đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật an toàn mà vẫn sử dụng.**
 - Máy móc, thiết bị không phù hợp với tầm vóc và thể lực của người điều khiển.
 - Tất cả đều đúng.

- 159. Việc bảo dưỡng và sửa chữa máy móc trong quá trình sử dụng không tốt sẽ gây các tác hại nào sau đây:**
- a. Giảm nhanh tuổi thọ máy.
 - b. Gây ra sự cố bất thường.
 - c. Gây tai nạn không lường trước được.
 - d. Tất cả đều đúng.**
- 160. Các nguyên nhân gây tai nạn do bảo quản và sử dụng thường là:**
- a. Việc chấp hành các quy trình, quy phạm còn tùy tiện.
 - b. Công nhân không được huấn luyện kỹ thuật an toàn đã sử dụng máy.
 - c. Bắt máy làm việc quá tải.
 - d. Tất cả đều đúng**
- 161. Các yêu cầu an toàn đối với máy móc, thiết bị gồm các vấn đề nào sau đây:**
- a. Nối đất bảo vệ thiết bị điện.
 - b. Tình trạng máy móc luôn ở trạng thái tốt.
 - c. Định kỳ máy móc thiết bị phải được bảo dưỡng sửa chữa theo đúng kế hoạch.
 - d. Tất cả đều đúng.**
- 162. Các yêu cầu an toàn đối với máy móc, thiết bị gồm:**
- a. Các bộ phận chuyển động phải được bao che
 - b. Máy móc phải có đầy đủ Các thiết bị an toàn.
 - c. Chiều sáng cục bộ phải dùng đèn có điện áp 36V
 - d. Tất cả đều đúng**
- 163. Yêu cầu an toàn khi sử dụng máy, phải:**
- a. Huấn luyện về kiểm tra và sử dụng máy thành thạo theo đúng quy trình vận hành.
 - b. Sử dụng trang bị bảo vệ cá nhân theo đúng như quy định.
 - c. Tiến hành kiểm tra và chạy thử máy để phát hiện hư hỏng.
 - d. Tất cả đều đúng.**
- 164. Trong quá trình gia công không được:**
- a. Tiến hành các công việc sửa chữa khi máy đang hoạt động.
 - b. Bỏ đi nơi khác hoặc làm việc khác khi đang chạy máy.
 - c. Đưa tay vào khu vực nguy hiểm để kiểm tra kích thước, lấy phoi, tưới dầu
 - d. Tất cả đều đúng.**
- 165. Tiến hành lau chùi, bôi dầu và bơm dầu vào các bề mặt chuyển động cần phải thực hiện khi:**

- a. Tiến hành bàn giao ca kíp, nghỉ lễ, tết.
- b. Ngừng máy phải tắt máy, cắt cầu dao điện.
- c. Liên tục và thường xuyên kể cả khi máy đang chạy

d. a và b đúng

166. Các vật gia công có khối lượng bao nhiêu kg thì cần phải có phương tiện nâng chuyển (palăng điện, palăng xích...)

- a. > 10kg
- b. > 20kg
- c. < 20kg
- d. < 10kg

167. Định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc hỏng hóc bất thường thì công việc sửa chữa cần được tiến hành dựa trên các yêu cầu an toàn nào sau đây:

- a. Phải có lệnh sửa chữa của quản đốc phân xưởng cơ điện.
- b. Phải ghi rõ nội dung sửa chữa
- c. Phải giao cho những công nhân chuyên nghiệp hoặc đã qua đào tạo hướng dẫn.

d. Tất cả đều đúng

168. Trước khi sửa chữa máy và các bộ phận của máy thì phải làm gì:

- a. Tách máy ra khỏi nguồn điện, treo bảng “ Máy đang sửa chữa”.
- b. Tháo các đai truyền ra khỏi puli
- c. Cả a và b đều đúng.
- d. Cả a và b đều sai.

169. Khi sửa chữa những loại máy cao trên 2000 mm phải có:

- a. Thang dây an toàn.
- b. Dàn giáo có lan can tay vịn chắc chắn.
- c. Hệ thống thang máy.
- d. Tất cả đều đúng.

170. Sau khi kết thúc sửa chữa hay điều chỉnh máy phải:

- a. Kiểm tra lại toàn bộ thiết bị, lắp đặt các che chắn an toàn.
- b. Bàn giao cho công nhân vận hành chạy máy.
- c. Kiểm tra sơ bộ chạy máy.
- d. Cả 3 phương pháp trên.

171. Các thiết bị an toàn có tác dụng ngăn cách vùng nguy hiểm với công nhân trong quá trình sử dụng máy móc thường là:

- a. Thiết bị bao che.
- b. Cơ cấu phòng ngừa.
- c. Tín hiệu an toàn.
- d. Cả 3 phương án trên.

172. Cơ cấu phòng ngừa sự cố của thiết bị có liên quan đến điều kiện an toàn của công nhân thường được chia thành bao nhiêu loại chính:

- a. 3 loại.
- b. 6 loại.
- c. 5 loại.
- d. 4 loại.

173. Các hệ thống phục hồi khả năng làm việc của thiết bị bằng cách thay mới thường là:

- a. Chốt cắt, màng phòng nổ, đình chỉ.
- b. Ly hợp ma sát, role nhiệt, ly hợp vấu, lò xo, van an toàn...
- c. Trục vít rơi trên mát tiện.
- d. Cả 3 phương án trên.

174. Các hệ thống phòng ngừa sự cố có thể tự phục hồi lại khả năng làm việc của thiết bị khi các thông số đã giảm đến mức quy định bao gồm các loại nào sau đây:

- a. Rơ le nhiệt, rơ le áp suất.
- b. Ly hợp ma sát, ly hợp vấu, lò xo.
- c. Van an toàn kiểu lò xo và đối trọng
- d. Cả 3 phương án trên.

175. Khóa liên động là cơ cấu có khả năng làm gì:

- a. Loại trừ khả năng gây nguy hiểm cho người, thiết bị khi sử dụng máy không đúng quy trình thao tác.
- b. Phòng ngừa sự cố của thiết bị có liên quan đến điều kiện an toàn của người lao động.
- c. Che chắn vùng nguy hiểm của máy.
- d. Cả 3 phương án trên.

176. Các loại tín hiệu an toàn dùng để:

- a. Báo trước sự cố có thể xảy ra để đề phòng.
- b. Giúp công nhân các định nhanh chóng không nhầm lẫn các điều kiện an toàn để xử lý kịp thời.
- c. Cả a và b đều đúng.
- d. Cả a và b đều sai.

177. Tín hiệu ánh sáng đỏ thường dùng báo tình trạng làm việc của máy khi:

- a. Biểu thị sự nguy hiểm.
- b. Tín hiệu đề phòng, biểu thị sự cần thiết phải chú ý.
- c. Biểu thị sự an toàn.

d. Tất cả đều đúng.

178. Những đối tượng làm việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ nào dưới đây bắt buộc phải được huấn luyện ATVSLĐ trước khi giao việc?

a. Tất cả những người lao động đang làm việc.

b. Người mới tuyển dụng, người học nghề, tập nghề.

c. Người mới vào thử việc, người lao động hành nghề tự do.

d. Cả a, b và c đều đúng

179. Yêu cầu trước khi đưa vào sử dụng các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động như bình chịu áp lực, thiết bị nâng...:

a. Công nhân vận hành thiết bị phải có chứng chỉ về chuyên môn, nắm được nguyên tắc an toàn khi sử dụng và có thẻ an toàn lao động.

b. Ban hành và niêm yết nội quy an toàn, quy trình vận hành, quy trình xử lý sự cố tại nơi để thiết bị ở vị trí dễ thấy, dễ đọc.

c. Phải được kiểm định kỹ thuật an toàn với cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

d. Cả a, b và c đều đúng.

180. Một nạn nhân bị bỏng do nhiệt, điều mà bạn cần phải làm là:

a. Ngâm ngay vùng bị bỏng vào nước mát, hoặc dùng khăn sạch bọc nước đá chườm lạnh lên vùng da bị bỏng khoảng 10-15 phút, nếu có biểu hiện phỏng rộp dùng gạc sạch băng nhẹ lên, cho nạn nhân uống nhiều nước có pha ít muối và chuyển nạn nhân đến bệnh viện.

b. Theo kinh nghiệm dân gian: Bôi lên vùng da bị bỏng nước mắm hoặc kem đánh răng để giảm đau và chuyển nạn nhân về bệnh viện.

c. Dùng kim sạch chọc các nốt phỏng lớn, sau đó dùng gạc sạch băng nhẹ lên vùng bị bỏng và chuyển nạn nhân về bệnh viện.

d. Cả 3 câu a, b và c đều đúng.

181. Về mặt tổ chức- kỹ thuật, các yếu tố nào sau đây có thể gây mất an toàn trong quá trình sản xuất:

a. địa điểm không gian, mặt bằng sản xuất chật hẹp; máy, thiết bị lắp đặt không đảm bảo quy phạm an toàn, không đúng kỹ thuật.

b. Máy, thiết bị bố trí không hợp lý; người lao động đờ ỉa bãi, không sắp xếp gọn gàng, phù hợp tầm với.

c. Máy, thiết bị, phương tiện làm việc... không phù hợp với nhân trắc người lao động; phương tiện, dụng cụ phục vụ sản xuất thiếu hoặc kém chất lượng.

d. Cả a, b và c.

VII. AN TOÀN THIẾT BỊ CHỊU ÁP LỰC

182. Yêu cầu trước khi đưa vào sử dụng các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động như bình chịu áp lực, thiết bị nâng...:

a. Công nhân vận hành thiết bị phải có chứng chỉ về chuyên môn, nắm được nguyên tắc an toàn khi sử dụng và có thể an toàn lao động.

b. Ban hành và niêm yết nội quy an toàn, quy trình vận hành, quy trình xử lý sự cố tại nơi để thiết bị ở vị trí dễ thấy, dễ đọc.

c. Phải được kiểm định kỹ thuật an toàn với cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

d. Cả a, b và c đều đúng.

183. Các thiết bị chịu áp lực trong công nghiệp chủ yếu gồm các loại chính nào sau đây:

a. Các thiết bị không bị đốt nóng gồm các bình chứa (ôxy, nitơ, amôniac...) các bình sinh khí axetylen, các ống dẫn hơi dẫn khí.

b. Các thiết bị đốt nóng gồm lò hơi, nồi nấu, sấy, hấp...

c. Cả a,b đúng.

d. Cả a,b sai.

184. Cách phân biệt nồi hơi với các loại thiết bị khác là:

a. Thiết bị được đốt nóng bằng các loại nhiên liệu để sản xuất hơi dùng cho sản xuất..

b. Các thiết bị có thể tích đóng kín dùng để tiến hành các quy trình nhiệt học và hóa học (bình hấp, bình axetylen).

c. Loại thiết bị chịu áp lực bằng kim loại có thể tích nhỏ (thường dưới 100 lít).

d. Tất cả đều đúng.

185. Thiết bị áp lực là thiết bị có áp suất do mỗi chất tác dụng lên

a. Tác dụng lên phía trong.

b. Tác dụng lên phía ngoài.

c. Tác dụng cả phía trong và phía ngoài

d. Cả a,b, c đều đúng

186. Các loại thiết bị có thể tích đóng kín dùng để tiến hành các quy trình nhiệt học và hóa học thường được gọi là:

a. Nồi hơi.

b. Bình chịu áp lực.

c. Chai chịu áp lực.

d. Cả a,b sai.

187. Tác dụng phá hoại khi thiết bị bị áp lực nổ vỡ thường gây ra hậu quả:

a. Khi nổ vỡ, tác hại của nó gây ra rất lớn, có thể làm chết và bị thương nhiều người và phá hủy công trình.

b. Khi nổ vỡ, tác hại của nó gây ra hư hỏng thiết bị.

c. Khi nổ vỡ, tác hại của nó gây ra tiếng nổ lớn gây khó chịu cho người vận hành.

d. Cả a,b sai.

188. Cấm sử dụng áp kế trong các trường hợp:

a. Không có niêm chì, quá hạn kiểm tra, vỡ mặt kính.

b. Kim không quay về chốt tựa khi ngắt hơi.

c. Áp kế phải có thang đo thích hợp để khi chỉ áp suất kim di chuyển trong khoảng từ 1/3 đến 2/3 của thang.

d. a và b đúng

189. Ống thủy tròn của nồi hơi có áp suất làm việc:

a. $P \leq 15 \text{ kG/cm}^3$.

b. $P > 15 \text{ kG/cm}^3$.

c. $P \geq 25 \text{ kG/cm}^3$.

d. $P \leq 10 \text{ kG/cm}^3$.

190. Mỗi nồi hơi phải có ít nhất bao nhiêu ống thủy hoạt động độc lập:

a. 1 ống thủy.

b. 2 ống thủy.

c. 3 ống thủy.

d. 4 ống thủy.

191. Trên ống thủy vạch dầu chỉ mức nước cao nhất và thấp nhất cho phép mức vạch này phải không được nhỏ hơn:

a. 25 mm

b. 35 mm

c. 10 mm

d. 50 mm

192. Các yêu cầu với van an toàn là:

a. Phải được niêm chì, cấm xô dịch đối trọng hoặc xiết lò xo.

b. Phải có ống thoát hơi ra ngoài phạm vi nhà lò.

c. Phải được tính toán đúng theo yêu cầu quy phạm.

d. Cả a, b, c đều đúng.

193. Khi áp suất quá quy định bao nhiêu thì màng phòng nổ bị xé rách đảm bảo an toàn cho thiết bị:

- a. Quá 25% áp suất làm việc.
- b. Quá 15% áp suất làm việc.
- c. Quá 50% áp suất làm việc.
- d. Quá 10% áp suất làm việc.

194. Khai báo, đăng ký sử dụng các thiết bị áp lực với cơ quan thanh tra nội hơi gồm có:

- a. Lý lịch thiết bị theo mẫu quy định.
- b. Văn bản xác nhận việc lắp đặt thiết bị đã được tiến hành đúng thiết kế, phù hợp với quy định quy phạm.
- c. Các quy trình vận hành, xử lý sự cố và các biên bản khám nghiệm của thanh tra nội hơi xác nhận chất lượng chế tạo và lắp đặt.
- d. Cả a, b, c đều đúng.

195. Việc chuẩn bị vận hành và vận hành nội hơi cần phải thực hiện các công việc nào sau đây:

- a. Chuẩn bị các dụng cụ cần thiết để vận hành. Kiểm tra các thiết bị phụ.
- b. Kiểm tra lại thiết bị, kiểm tra lại các thiết bị an toàn và đo kiểm tra của thiết bị.
- c. Cấm sửa chữa các bộ phận của thiết bị áp lực khi đang vận hành.
- d. Cả a, b, c đều đúng

196. Quy trình xử lý sự cố khi vận hành lò hơi phải ghi rõ các nội dung nào sau đây:

- a. Hiện tượng, nguyên nhân, cách xử lý.
- b. Nguyên nhân, cách xử lý
- c. Hiện tượng và biện pháp xử lý sự cố.
- d. Cả a, b, c đều đúng.

197. Thời gian khám nghiệm định kỳ trong quy trình sử dụng bình áp lực là:

- a. 3 năm khám xét toàn bộ 1 lần.
- b. 2 năm khám xét toàn bộ 1 lần.
- c. 1 năm khám xét toàn bộ 1 lần.
- d. 5 năm khám xét toàn bộ 1 lần.

198. Một số trường hợp phải đình chỉ sự hoạt động của các đối tượng thanh tra nội hơi:

- a. Cấm tiếp tục vận hành các nội hơi đã quá kỳ hạn khám nghiệm ghi trong lý lịch hoặc các biên bản khám nghiệm của cán bộ thanh tra nội hơi.

- b. Áp suất trong nồi hơi tăng quá mức cho phép và vẫn tiếp tục tăng khi chấm dứt các việc làm tăng áp suất.
- c. Chạm nước nghiêm trọng, đầy nước quá mức.
- d. Cả a, b, c đều đúng.

199. Một số trường hợp phải đình chỉ sự hoạt động của đối tượng thanh tra nồi hơi:

- a. Mức nước trong nồi giảm nhanh trong khi bơm vẫn hoạt động.
- b. Các bộ phận chịu áp lực của nồi hơi bị phồng, nứt, vỡ.
- c. Các ống thủy, áp kế, van an toàn ngừng hoạt động.
- d. Một trong 2 bơm nước bị hư hỏng khi không có khả năng sửa chữa kịp thời.
- e. Câu a,b,c đúng

200. Một số trường hợp phải đình chỉ sự hoạt động của các đối tượng thanh tra bình áp lực:

- a. Các bình quá hạn kiểm tra định kỳ.
- b. Áp suất trong bình tăng quá mức cho phép mặc dù đã chấm dứt các công việc làm tăng áp suất.
- c. Các bộ phận cơ bản chịu áp lực của thiết bị có hiện tượng nứt phồng, biến dạng, xì, hở
- d. Tất cả đều đúng.

201. Một số trường hợp phải đình chỉ sự hoạt động của các đối tượng thanh tra bình áp lực:

- a. Khi các nắp, cửa không hoàn hảo, các chi tiết bắt chặt nắp bị hỏng hoặc thiếu.
- b. Khi chất lỏng giảm quá mức cho phép ở các bình có đốt lửa, khí cháy hoặc bằng điện.
- c. Khi xảy ra cháy trực tiếp đe dọa bình đang có áp suất.
- d. Tất cả đều đúng.

202. Một số trường hợp phải đình chỉ sự hoạt động của các đối tượng thanh tra bình áp lực:

- a. Khi các nắp, cửa không hoàn hảo, các chi tiết bắt chặt nắp bị hỏng hoặc thiếu.
- b. Khi xảy ra cháy trực tiếp đe dọa bình đang có áp suất.
- c. Các bình quá hạn kiểm tra định kỳ.

d. Mức nước trong nồi giảm nhanh khi bơm vẫn hoạt động.

e. Câu a,b,c đúng.

VIII. AN TOÀN HÓA CHẤT

203. Các loại hóa chất gây bệnh nghề nghiệp thường là:

a. Chì và hợp chất của chì.

b. Thủy ngân và hợp chất của thủy ngân

c. Benzen.

d. Tất cả đều đúng.

204. Đường xâm nhập của hóa chất vào cơ thể con người thường là đường nào sau đây:

a. Đường hô hấp.

b. Hấp thụ qua da.

c. Đường tiêu hóa.

d. Tất cả đều đúng.

205. Các yếu tố nào sau đây có thể làm tăng nguy cơ nhiễm độc:

a. Nhiệt độ cao.

b. Độ ẩm không khí tăng.

c. Khi lao động thể lực với cường độ quá sức.

d. Tất cả đều đúng.

206. Tác động kích thích của hóa chất đối với cơ thể thường gây ra:

a. Kích thích đối với da.

b. Kích thích đối với đường hô hấp.

c. Kích thích đối với mắt.

d. Gây mê và gây tê

e. a, b và c đúng

207. Hóa chất thường gây tác hại tới hệ thống các cơ quan nào của cơ thể:

a. Gây tác hại cho thận.

b. Gây tác hại cho hệ thần kinh.

c. Bệnh bụi phổi.

d. Tất cả đều đúng.

208. Biện pháp cơ bản phòng ngừa tác hại của hóa chất thường là biện pháp nào sau đây:

a. Hạn chế hoặc thay thế hóa chất độc hại.

b. Che chắn hoặc cách ly nguồn phát sinh hóa chất nguy hiểm, thông gió.

c. Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động nhằm ngăn ngừa việc tiếp xúc trực tiếp với hóa chất.

d. Tất cả đều đúng.

209. Khi doanh nghiệp sử dụng hóa chất thì phải cảm kết các vấn đề nào sau đây:

a. Quy trình an toàn cho quy trình sản xuất, bảo quản, vận chuyển, sử dụng và loại bỏ những hóa chất độc hại.

b. Người lao động nhận được đầy đủ thông tin về hóa chất nguy hiểm khi tiếp xúc và được đào tạo huấn luyện những biện pháp thích hợp an toàn và cần thiết.

c. Trước khi sử dụng một hóa chất mới thì các thông tin về hóa chất này (đặc biệt về tính nguy hiểm, giá trị kinh tế và khả năng thay thế nó)

d. Quy trình xử lý rò rỉ hoặc tràn đổ hóa chất tại nơi làm việc.

e. a, b.c đúng.

210. Mặt nạ phòng độc được phân thành bao nhiêu nhóm:

a. 2 nhóm

b. 3 nhóm

c. 4 nhóm.

d. 6 nhóm

211. Vệ sinh cá nhân nhằm giữ cho cơ thể tránh tiếp xúc với hóa chất qua các con đường nào sau đây:

a. Tránh nhiễm độc qua da.

b. Qua đường hô hấp.

c. Qua đường tiêu hóa.

d. Tất cả đều đúng.

212. Lợi ích chính của công tác kiểm toán giảm thiểu hóa chất thải là:

a. Giảm tổn hại tiềm ẩn do sản xuất gây ra cho môi trường.

b. Bảo vệ sức khỏe cộng đồng dân cư và người lao động, đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường.

c. Giảm lợi nhuận.

d. a và b đúng

213. Các phương pháp xử lý hóa chất thải thông dụng thường dùng phương pháp nào sau đây:

a. Phương pháp hấp thụ bằng vật liệu hấp thụ

b. Phương pháp nhiệt

c. Phương pháp xử lý sinh học.

d. Tất cả đều đúng.

214. Các phương pháp xử lý hơi, khí độc hại trong khí thải công nghiệp thường

dùng phương pháp nào sau đây:

- a. Hấp thụ (nhờ chất lỏng), hấp phụ (nhờ chất rắn xốp).
- b. Sinh hóa bằng vi sinh và pha loãng.
- c. Thiêu hủy nhờ nhiệt, ngưng tụ.
- d. **Tất cả đều đúng.**

215. Nguyên tắc chung của việc kiểm soát quy trình làm việc với hóa chất thường là các vấn đề nào sau đây:

- a. Người sử dụng lao động cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn, đào tạo, huấn luyện và phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp với công việc cho người lao động.
- b. Xây dựng và thực hiện quy trình an toàn trong thiết kế, lắp đặt, chạy thử, sản xuất, sử dụng, bảo dưỡng trang thiết bị làm việc với hóa chất độc hại cũng như trong việc vận chuyển và hủy bỏ chúng.
- c. **Cả a và b đều đúng.**
- d. Cả a và b đều sai.

216. Người sử dụng lao động cung cấp đầy đủ các thông tin gì cho người lao động làm việc với hóa chất:

- a. Cần chỉ dẫn, đào tạo, huấn luyện.
- b. Cung cấp phương tiện bảo hộ lao động phù hợp với công việc cho người lao động.
- c. Thực hiện quy trình an toàn trong thiết kế, lắp đặt, chạy thử.
- d. **a,b đúng.**

217. Việc xử lý các hóa chất thải xuất phát từ việc nào được coi là đầu tiên:

- a. Lấy mẫu phân tích.
- b. **Hiểu nguồn gốc và ảnh hưởng của nó tới môi trường.**
- c. Xác định lượng chất thải và lựa chọn biện pháp xử lý thích hợp đảm bảo yêu cầu vệ sinh công nghiệp theo định chế Quốc tế và Việt Nam về bảo vệ Môi trường.
- d. Kinh phí đầu tư cho phép.

218. Phương tiện vận tải được phép chuyên chở hóa chất là:

- a. Tàu tự hành
- b. Xe chuyên dụng
- c. Xe tải kín
- d. **Phương tiện có giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi**

trường phù hợp với loại, nhóm hàng chuyên chở :

219. Trang thiết bị bảo vệ người làm công tác vận tải hóa chất phải bảo đảm nguyên tắc là:

- a. Bền, đẹp
- b. Không cháy
- c. Cách nhiệt
- d. **Toàn thân được bảo vệ**

220. Người làm công tác vận tải hóa chất sử dụng trang thiết bị bảo vệ khi:

- a. Mọi lúc, mọi nơi
- b. **Bất kỳ công việc nào có thể tạo ra nguy hiểm cho người lao động**
- c. Chỉ khi xếp hàng
- d. Chỉ khi dỡ hàng

221. Bình bọt dùng để chữa cháy tốt nhất cho loại đám cháy:

- a. Thiết bị điện (Đám cháy loại E)
- b. Đám cháy khí và hơi (Đám cháy loại C)
- c. Kim loại cháy được (Đám cháy loại D)
- d. **Xăng dầu, mỡ và chất lỏng cháy được (Đám cháy loại B)**

IX. AN TOÀN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY

222. Luật PCCC được Quốc hội khóa X nước CHXHCN Việt Nam thông qua vào ngày tháng năm nào ?

- a. **Ngày 29/6/2001.**
- b. Ngày 30/6/2001.
- c. Ngày 29/6/2002.
- d. Ngày 30/6/2002.

223. Đội PCCC cơ sở là đội như thế nào ?

- a. Gồm những người tham gia hoạt động sản xuất tại cơ sở.
- b. **Là tổ chức gồm những người tham gia hoạt động PCCC tại cơ sở.**
- c. Gồm những người tham gia chỉ đạo công tác PCCC tại cơ sở.

d. Là tổ chức gồm những người quản đốc, tổ trưởng sản xuất, dân phòng tại cơ quan, xí nghiệp.

224. Những đối tượng nào phải thực hiện bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với tài sản của mình?

a. Tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh

b. Tổ chức và cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy nổ

c. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy nổ

d. Cơ quan, xí nghiệp có nguy hiểm về cháy nổ

225. Trong lĩnh vực xây dựng, Luật PCCC quy định hành vi nào bị nghiêm cấm ?

a. Thi công những công trình có nguy hiểm về cháy nổ mà không có thiết kế về PCCC

b. Thi công những công trình có nguy hiểm về cháy nổ mà chưa có thiết kế được duyệt về PCCC

c. Thi công những công trình có nguy hiểm về cháy nổ gần các nhà và công trình công cộng

d. Thi công những công trình có nguy hiểm về cháy nổ mà không có trang bị phương tiện PCCC

226. Luật PCCC quy định trong hoạt động PCCC nhiệm vụ nào là chính?

a. Trong hoạt động PCCC lấy phòng ngừa làm chính

b. Trong hoạt động PCCC lấy phương châm 4 tại chỗ làm chính

c. Trong hoạt động PCCC lấy chữa cháy làm chính

d. Trong hoạt động PCCC lấy tuyên truyền là chính.

227. Đối tượng áp dụng của Luật phòng cháy và chữa cháy được quy định tại Điều 2 như thế nào.

a. Tất cả các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân hoạt động sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam

b. Tất cả các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân hoạt động sinh sống trong và ngoài nước

- c. Tất cả các cơ quan, tổ chức và hộ gia đình trên lãnh thổ Việt Nam
- d. Tất cả các cơ sở hoạt động, sản xuất, kinh doanh và cá nhân sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam

228. Luật PCCC giải thích “Chữa cháy” như thế nào ?

- a. Gồm các công việc huy động triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy, cắt điện, tổ chức thoát nạn, cứu người, cứu tài sản, chống cháy lan, dập tắt đám cháy và các hoạt động khác liên quan đến chữa cháy.
- b. Gồm các công việc tổ chức thoát nạn, cứu người, cứu tài sản, huy động triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy dập tắt đám cháy.
- c. Gồm các công việc huy động triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy, cắt điện, chống cháy lan, cứu người, cứu tài sản.
- d. Câu B và C đúng.

229. Luật PCCC quy định ai là người chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện khắc phục hậu quả vụ cháy ?

- a. Chỉ huy lực lượng cảnh sát PCCC phối hợp với người đứng đầu cơ sở bị cháy
- b. Chủ tịch UBND cấp xã trở lên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có cơ sở bị cháy
- c. Công an phường nơi có cơ sở bị cháy
- d. Tất cả đều đúng

230. Luật PCCC qui định một trong những biện pháp cơ bản đầu tiên trong công tác phòng cháy là gì?

- a. Sử dụng an toàn các chất cháy, chất nổ, nguồn lửa nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt.
- b. Quản lý chặt chẽ về sử dụng an toàn các chất cháy, chất nổ, nguồn lửa nguồn nhiệt; đảm bảo các điều kiện an toàn trong sản xuất kinh doanh.
- c. Quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các chất cháy, chất nổ, nguồn lửa nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt; đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy.
- d. Định kỳ tự tổ chức kiểm tra công tác an toàn PCCC.

231. Tại khoản 4 điều 22 của Luật PCCC quy định: Các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ về hàng hoá, vật tư nguy hiểm về cháy, nổ cần có điều kiện an toàn PCCC gì ?

a. Phải in các thông số kỹ thuật, bản hướng dẫn an toàn về PCCC, phải trang bị phương tiện chữa cháy

b. Phải in các thông số kỹ thuật trên nhãn hàng hóa, bản hướng dẫn an toàn về PCCC bằng tiếng việt, phải có chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy

c. Phải in thông số kỹ thuật, bản hướng dẫn an toàn về PCCC bằng tiếng việt

d. Cả a và b đúng

232. khái niệm “ cháy ” được hiểu như thế nào?

a. Là một phản ứng hóa học có tỏa nhiệt và phát sáng.

b. Là trường hợp xảy ra cháy ngoài ý muốn của con người có thể gây thiệt hại về tài sản và ảnh hưởng đến môi trường.

c. Là trường hợp xảy ra cháy không kiểm soát được có thể gây thiệt hại về người, tài sản và ảnh hưởng môi trường

d. Là trường hợp xảy ra cháy không kiểm soát được có thể gây thiệt hại về người và tài sản.

233. Giải thích “Chất nguy hiểm về cháy, nổ” như thế nào?

a. Là chất lỏng, chất khí, máy móc hoặc vật tư, hàng hoá dễ xảy ra cháy nổ

b. Là Chất lỏng, chất khí, chất rắn, hoặc máy móc dễ xảy ra cháy, nổ

c. Là Chất lỏng, chất khí, chất rắn hoặc vật tư, hàng hoá dễ xảy ra cháy nổ

d. Các chất có tính chất đặc biệt nguy hiểm về cháy nổ như xăng, dầu, khí đốt, hóa lỏng

234. Giải thích Cơ sở có nguy hiểm về cháy nổ như thế nào?

a. Là cơ sở có một số lượng nhất định nguy hiểm về cháy, nổ, theo quy định của chính phủ

b. Là cơ sở có chứa nhiều chất có nguy hiểm về cháy, nổ, có khả năng xảy ra cháy lớn.

c. Là cơ sở chứa nhiều chất có nguy hiểm về cháy, nổ, và được sắp xếp, bảo quản không đảm bảo an toàn về PCCC.

d. Là cơ sở có nhiều chất lỏng dễ cháy, nổ.

235. Quy định về phòng cháy đối với trụ sở làm việc, kho lưu trữ như thế nào?

a. Có phương án chữa cháy, có nội quy, quy định về an toàn PCCC có hồ sơ theo dõi hoạt động PCCC, có biện pháp về phòng cháy, có hệ thống báo cháy, chữa cháy, ngăn cháy phù hợp với tính chất hoạt động của cơ sở.

b. Phải sắp xếp các thiết bị văn phòng, hồ sơ, tài liệu đảm bảo an toàn PCCC. Có biện pháp quản lý chặt chẽ chất cháy, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt và các biện pháp đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy khi rời nơi làm việc.

c. Phải sắp xếp các thiết bị văn phòng, hồ sơ, tài liệu đảm bảo gọn gàng ngăn nắp và phải trang bị đầy đủ phương tiện PCCC theo quy định.

d. Câu 3 câu a,b,c đều đúng.

236. Một trong những biện pháp cơ bản đầu tiên trong công tác phòng cháy là gì?

a. Sử dụng an toàn các chất cháy, chất nổ, nguồn lửa nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt.

b. Quản lý chặt chẽ về sử dụng an toàn các chất cháy, chất nổ, nguồn lửa nguồn nhiệt; đảm bảo các điều kiện an toàn trong sản xuất kinh doanh.

c. Quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các chất cháy, chất nổ, nguồn lửa nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt; đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy.

d. Định kỳ tự tổ chức kiểm tra công tác an toàn PCCC.

237. Các hành vi nào sau đây vi phạm quy định về việc quản lý, bảo quản và sử dụng chất nguy hiểm về cháy, nổ?

a. Sử dụng kho, thiết bị chứa chất nguy hiểm về cháy, nổ không đảm bảo các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định

b. Sử dụng thiết bị, phương tiện chứa chất nguy hiểm về cháy, nổ chưa được kiểm định hoặc đã hết hạn sử dụng theo quy định. Bố trí, sắp xếp chất nguy hiểm về cháy, nổ không theo từng nhóm riêng theo quy định

c. Câu A và B sai

d. Câu A và B đúng

238. Trong các nội dung sau đây, nội dung nào là biện pháp cơ bản trong chữa cháy ?

- a. Huy động nhanh nhất các lực lượng, phương tiện để dập tắt ngay đám cháy.
- b. Tập trung cứu người, cứu tài sản và chống cháy lan.
- c. Thống nhất chỉ huy, điều hành trong chữa cháy.

d. Cả 3 câu đều đúng.

239. Tốc độ lan truyền ngọn lửa trong quy trình cháy được xem là bình thường:

- a. $15 \div 35$ m/giây.
- b. $U > 35$ m/giây.
- c. $U > 55$ m/giây.
- d. $U < 15$ m/giây.

240. Điều kiện cần thiết cho quy trình cháy:

- a. **Chất cháy, chất ôxy hóa và môi bắt cháy (nguồn nhiệt).**
- b. Nhiệt độ chớp cháy, nhiệt độ bốc cháy, nhiệt độ tự bốc cháy.
- c. Thời gian cảm ứng của quy trình tự bốc cháy.
- d. Tất cả đều đúng.

241. Một đám cháy xuất hiện cần có các yếu tố nào sau đây:

- a. Chất cháy, chất ôxy hóa.
- b. Chất ôxy hóa, môi bắt cháy.
- c. **Chất cháy, chất ôxy hóa với tỉ lệ xác định giữa chúng với môi cháy.**
- d. Tất cả đều đúng.

242. Nguyên nhân gây ra cháy nổ trực tiếp do hiện tượng tĩnh điện là:

- a. **Do sự ma sát giữa các vật thể.**
- b. Do chập mạch điện.
- c. Do sét đánh.
- d. Tất cả đều đúng.

243. Các biện pháp quản lý phòng chống cháy nổ ở các cơ sở thường là:

- a. Biện pháp kỹ thuật công nghệ.
- b. Biện pháp tổ chức.
- c. **Cả a và b đều đúng.**
- d. Cả a và b đều sai.

244. Nguyên lý chống cháy, nổ thường là các nội dung nào sau đây:

- a. Hạ thấp tốc độ cháy của vật liệu đang cháy tới mức tối thiểu.
- b. Phân tán nhanh nhiệt lượng của đám cháy
- c. **Cả a và b đều đúng.**

d. Cả a và b đều sai.

245. Thực tế có thể sử dụng các giải pháp phòng cháy chữa cháy nào sau đây:

a. Hạn chế khối lượng của chất cháy (hoặc chất ôxy hóa).

b. Ngăn cách sự tiếp xúc của chất cháy và chất ôxy hóa)

c. Các thiết bị khi khởi động có thể sinh tia lửa điện phải được đặt trong một khu vực riêng cách ly với khu sản xuất.

d. Tất cả đều đúng.

246. Một đám cháy đang xảy ra, muốn dập tắt nó cần phải được làm gì:

a. Làm loãng nồng độ chất cháy với chất ôxy hóa.

b. Ngăn ngừa sự tiếp xúc với chất cháy ôxy hóa.

c. Làm lạnh vùng cháy đến nhiệt độ thấp hơn nhiệt độ cháy của vật liệu.

d. Tất cả đều đúng.

247. Các chất chữa cháy cần phải có các yêu cầu cơ bản nào sau đây:

a. Có hiệu quả chữa cháy cao.

b. Dễ kiếm và rẻ, không gây độc hại đối với người khi sử dụng và bảo quản.

c. Không làm hư hỏng các thiết bị cứu chữa và các thiết bị, đồ vật được cứu chữa.

d. Tất cả đều đúng.

248. Các chất chữa cháy nào mà chúng ta thường sử dụng sau đây:

a. Nước, hơi nước.

b. Bột chữa cháy.

c. Bột chữa cháy.

d. Tất cả đều đúng.

249. Dùng chất chữa cháy nào sau đây làm nhiệt độ đám cháy giảm nhanh và pha loãng nồng độ chất cháy, hạn chế sự thâm nhập của ôxy vào vùng cháy:

a. Nước.

b. Bụi nước.

c. Bột chữa cháy.

d. Bột chữa cháy.

250. Để chữa cháy kim loại, các chất rắn và chất lỏng ta dùng loại chất chữa cháy nào sau:

a. Nước.

b. Các hợp chất halogen

c. Bột chữa cháy.

d. Bột chữa cháy.

251. Các phương tiện trang bị chữa cháy tại chỗ thường là loại nào sau đây:

a. Bình bột, bình CO₂, bình bột.

b. Cát, xẻng, thùng, xô đựng nước, câu liêm...

c. Bơm, bơm tay.

d. Tất cả đều đúng.

252. Để chọn lựa bình chữa cháy bằng khí CO₂ cho phù hợp, trên các bình ghi chữ cái A là chữa cháy gì:

- a. Chữa chất cháy rắn.
- b. Chữa chất cháy lỏng.
- c. Chữa chất cháy khí.
- d. Chữa cháy điện.

253. Tất cả các loại bình chữa cháy đã mô tả được bảo quản ở nơi nào sau đây:

- a. Ở nơi mát, dễ thấy và dễ lấy.
- b. Để tránh xa nơi có axit và kiềm ăn mòn van và vỏ bình.
- c. Cả a và b đều đúng.
- d. Cả a và b đều sai.

X. KỸ THUẬT AN TOÀN ĐỐI VỚI MÁY CÔNG CỤ

254. Lắp đặt máy mài 2 đá ta cần tuân theo các quy định nào sau đây:

- a. Phải được bố trí tại một phòng riêng.
- b. Phải đặt xa các máy chính xác.
- c. Phải cách đường đi lại tối thiểu 2m, hướng của đá phải quay vào tường.
- d. . Bố trí vị trí đúng thao tác máy của người thợ để ánh sáng tự nhiên đi thẳng vào mắt.
- e. cả a,b,c đều đúng

255. Trong quy trình lắp đá mài cần phải đảm bảo các yêu cầu nào sau đây:

- a. Các đai ốc lắp đầu trục đá phải đảm bảo không tự tháo lỏng trong quy trình máy làm việc.
- b. Đá phải được lắp chính xác, đảm bảo độ đồng tâm giữa trục và lỗ đá, giữa trục và lỗ đá phải có khe hở để đảm bảo bù trừ sự giãn nở về nhiệt độ của trục đá.
- c. Hai bên đá phải có bích kẹp, các bích kẹp phải có chiều dày và đường kính bằng nhau, bề mặt của bích phải bằng phẳng.
- d. Tất cả đều đúng.

256. Khi sử dụng máy mài 2 đá ta cần chú ý các yêu cầu an toàn nào sau đây:

- a. Trước khi mở máy phải kiểm tra máy, điều chỉnh cỡ tỳ đảm bảo các khoảng cách quy định rồi cho máy chạy không tải 5 phút.
- b. Tuyệt đối không sử dụng máy mài 2 đá khi không có bộ phận an toàn như bộ bao che đá, cỡ tỳ và máy chưa được nối đất bảo vệ.
- c. Không mài các chi tiết quá lớn, chi tiết hoặc sắt tấm sau khi hàn cắt bằng công nghệ hàn mà chưa được làm sạch.
- d. Cả a, b, c đều đúng.

257. Khi sử dụng máy mài 2 đá ta cần chú ý các yêu cầu an toàn nào sau đây:

- a. Ngừng máy kịp thời khi phát hiện các biểu hiện khác thường để kiểm tra.
- b. Đá mài mòn đến dưới độ cho phép phải thay thế đá mới (phần còn lại nhỏ hơn 3 mm tính từ mép mặt bích trở lên).
- c. Không được mài ở mặt đầu đá, khi mài phải cho vật tiếp xúc vót đặt trụ đá một cách từ từ.

d. Cả a,b,c đều đúng

258. Để đảm bảo an toàn khi sử dụng máy mài 2 đá ta cần chú ý các kỹ thuật an toàn nào sau đây:

- a. Cần phải được sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ, thoáng khí, đủ ánh sáng.
- b. Cần phải có thiết bị hút bụi, thông gió, để tránh độc hại do hạt mài gây ra.
- c. Máy mài phải có đầy đủ các bộ phận che chắn.

d. Cả a,b,c đều đúng.

259. Trước khi mài dao kiểm tra độ hở giữa bệ tỳ và mặt làm việc của đá trong khoảng:

a. $L \leq 3$ mm

b. $L = 3 \div 5$ mm

c. $L = 5 \div 8$ mm

d. $L = 8 \div 12$ mm

260. Sau khi lắp đá lên máy phải sửa đá và cho tiến hành chạy không tải trong thời gian bao lâu:

a. 10 ÷ 20 phút

b. 20 ÷ 30 phút

c. 30 ÷ 40 phút

d. 50 ÷ 60 phút

261. Trong thời gian làm việc trên máy mài chúng ta cần phải làm gì:

- a. Khi mài phải lắp kính an toàn và bảo hiểm, phải mặc quần áo bảo hộ lao động có đủ mũ, giày, kính, bảo vệ mắt.
- b. Khi thao tác ở máy mài, phải chú ý đứng lệch sang một bên so với hướng của đá để đề phòng tai nạn.
- c. Khi đo và kiểm tra vật mài phải tắt hẳn máy.

d. Tất cả đều đúng.

262. Trước khi làm việc người thợ tiện phải tuân theo các quy tắc an toàn sau đây:

- a. Kiểm tra mát, đảm bảo máy làm việc tốt.
- b. Dụng cụ cắt phải gá đúng vị trí và chắc chắn, khi gá dùng số căn đệm ít nhất.

c. sắp xếp vị trí làm việc, thu dọn những vật thừa ở trên máy và xung quanh vị trí làm việc.

d. Tất cả đều đúng

263. Trong khi tiện chúng ta cần phải:

a. Không để dung dịch làm nguội hoặc dầu bôi trơn đổ ra bục đứng và nền nhà xung quanh chỗ làm việc.

b. Không tỳ khửu tay vào máy khi làm việc.

c. Không dùng tay để hãm mâm cặp hoặc phôi.

d. Tất cả đều đúng.

264. Trong khi tiện chúng ta cần phải:

a. Sử dụng nắp che an toàn cho mâm cặp.

b. Không thu dọn phoi khi máy đang làm việc.

c. Không đo bằng dụng cụ đo vạn năng hoặc bằng calip khi máy còn đang chạy.

d. Tất cả đều đúng.

265. Khi tiện sử dụng mũi chống tâm ụ sau loại cố định phải:

a. Cho đầy mỡ vào lỗ tâm của phôi.

b. Định kỳ kiểm tra xem mũi tâm có bị trượt ra khỏi lỗ tâm không.

c. Chỉ làm việc khi các dụng cụ cắt đảm bảo chất lượng (không nứt, xước, vỡ).

d. Tất cả đều đúng

266. Khi lắp dao nặng (từ 3kg đến 8kg) trên máy phay đứng cần phải theo trình tự nào sau đây:

a. Đặt dao phay xuống tấm gỗ (tấm gỗ nằm trên bàn máy), cán dao quay lên phía trên.

b. Dịch bà để đưa dao tới dưới trục chính, nâng bàn máy lên.

c. Lựa cho chuôi dao ăn vào lỗ của trục chính, kẹp chặt dao.

d. Tất cả đều đúng.

267. Các đồ gá vạn năng lớn như đầu chia độ, mỏ kẹp máy v.v... thường được đặt ở:

a. Đặt cố định nơi làm việc.

b. Bảo quản trong tủ hay trên các giá riêng

c. Cả a và b đều đúng.

c. Cả a và b đều sai.

- 268. Nếu thiếu bộ phận nào sau đây thì không được phép làm việc trên máy phay:**
- a. Cơ cấu che chắn vùng cắt.
 - b. Các đồ gá vạn năng lớn như đầu chi bộ.
 - c. Đòn kẹp và hàm kẹp phôi.
 - d. Tất cả đều đúng.
- 269. Kỹ thuật an toàn trực tiếp gắn liền với quy trình sản xuất là:**
- a. Kỹ luật công nghệ.
 - b. Thực hiện các quy tắc kỹ thuật sử dụng máy.
 - c. Giữ gìn kỹ luật lao động chặt chẽ.
 - d. Tất cả đều đúng.
- 270. Trước khi bắt đầu công việc phay, người công nhân cần chuẩn bị các công việc nào sau đây:**
- a. Kiểm tra tình trạng của máy và dây nối đất, tra dầu cho máy theo sách chỉ dẫn.
 - b. Làm quen với tài liệu kỹ thuật: tài liệu thiết kế và công nghệ của công việc.
 - c. Chuẩn bị chỗ làm việc, kiểm tra dụng cụ và đồ gá đầy đủ và tốt không.
 - d. Tất cả đều đúng.
- 271. Trong quy trình làm việc trên máy phay người công nhân cần tuân thủ theo các yêu cầu nào sau đây:**
- a. Cho máy làm việc đúng chế độ đã định.
 - b. Không được đo và gạt phoi trong khi máy đang làm việc.
 - c. Chú ý tưới đều đặt dung dịch tron nguội và vùng cắt.
 - d. Tất cả đều đúng.
- 272. Phải tắt máy trong các trường hợp:**
- a. Khi công nhân đi khỏi máy (dù chóc lát), lúc mất điện.
 - b. Khi thu dọn và tra dầu cho máy, lúc gá và đo chi tiết gia công.
 - c. Khi dụng cụ cắt và đồ gá chưa được kẹp chặt vững chắc.
 - d. Tất cả đều đúng.
- 273. Nếu máy làm hai, ba ca trên cùng một sản phẩm thì người công nhân phải:**
- a. Bàn giao máy cho người làm tiếp theo.

b. Thông báo cho người làm tiếp theo mình và thợ cả biết những nhược điểm của máy trong khi làm việc.

c. Giải thích cho người làm việc tiếp biết nhiệm vụ sản xuất của ca sau:

d. Tất cả đều đúng

274. Trước khi làm việc trên máy bào ta cần phải làm gì:

a. Kiểm tra máy, kiểm tra các cơ cấu của máy, ác cơ cạy đổi tốc độ và đổi chuyển động chạy dao. Cần phải tránh hiện tượng máy tự bật công tác.

b. Kiểm tra sự tin cậy của các cơ cấu nâng hạ và của đồ gá kẹp chặt.

c. Kiểm tra hàng rào chắn và cơ cấu bảo hiểm để tránh phoi.

d. Tất cả đều đúng

275. Trước khi làm việc trên máy bào cần phải làm gì:

a. Kiểm tra độ cứng vững kẹp chặt dao bào và chi tiết gia công.

b. Sử dụng quần áo bảo hộ, đầu tóc gọn gàng.

c. Kiểm tra hàng rào chắn và cơ cấu bảo hiểm để tránh phoi.

d. Tất cả đều đúng.

276. Khi làm việc trên máy bào người thợ cần chú ý gì:

a. Không mở hành trình bàn máy hoặc đầu bào trước khi ngắt chuyển động chạy dao.

b. Trước khi mở máy, phải chú ý xem có nguy hiểm gì cho người xung quanh hay không.

c. Không đưa tay vào vùng chuyển động của đầu bào và không để tay vào giá dao.

d. Tất cả đều đúng

277. Trong khi làm việc trên máy bào người lao động cần chú ý gì:

a. Khi máy bào giường đang làm việc, không được chống khuỷu tay lên bàn máy.

b. Lấy phoi ra khỏi bàn máy bằng chổi hoặc bằng bàn chải chuyên dụng.

c. Xiết lại bulong, đai ốc kẹp chặt chi tiết, đo chi tiết lúc máy đang đứng.

d. Tất cả đều đúng.

278. Sau khi làm việc trên máy bào người lao động cần chú ý gì:

a. Phải tắt động cơ điện. Thu dọn và sắp xếp gọn gàng các chi tiết và phôi vào đúng nơi quy định, lau chùi và bôi trơn cho máy.

b. Lấy phoi ra khỏi bàn máy bằng chổi hoặc bàn chải chuyên dùng.

c. Cho máy chạy tiếp theo chế độ tự động

d. a và b đúng

XI. KỸ THUẬT AN TOÀN KHI HÀN VÀ CẮT KIM LOẠI

279. Để đảm bảo an toàn khi hàn hồ quang tay ta cần chú ý các kỹ thuật an toàn nào sau đây:

- a. Kỹ thuật an toàn nhằm tránh những ánh sáng do hồ quang phát ra và những kim loại nóng chảy bắn ra.
- b. Kỹ thuật an toàn nhằm tránh bị điện giật.
- c. Kỹ thuật an toàn phòng nổ, phòng trúng độc.
- d. Tất cả đều đúng.

280. Để tránh những tia sáng hồ quang ảnh hưởng tới sức khỏe của những người làm việc xung quanh chúng ta phải làm gì:

- a. Lúc làm việc cần phải trang bị đầy đủ dụng cụ lao động.
- b. Xung quanh nơi làm việc không được để những chất dễ cháy dễ nổ.
- c. Trước khi mỗi hồ quan phải quan sát bên cạnh, xung quanh nơi làm việc tốt nhất là nên để những tấm che chắn.
- d. Tất cả đều đúng.

281. Để phòng chống cháy nổ khi hàn ta cần phải chú ý các biện pháp nào sau đây;

- a. Thực hiện tốt các biện pháp an toàn điện.
- b. Khi làm việc trên cao phải để những tấm sắt lót ở dưới vật hàn, tránh cho kim loại nhỏ giọt xuống. Không được để các chất dễ cháy hoặc dễ nổ trong khu vực hàn.
- c. Xung quanh nơi làm việc tốt nhất là nên để những tấm che chắn.
- d. Tất cả đều đúng.

282. Để đảm bảo an toàn cho người thợ hàn chúng ta cần phải làm gì

- a. Lúc làm việc cần trang bị đầy đủ dụng cụ lao động và phương tiện bảo vệ cá nhân.
- b. Xung quanh nơi làm việc tốt nhất nên để những tấm che chắn.
- c. Cả a và b đều đúng.
- d. Cả a và b đều sai.

283. Khi công nhân hàn đang làm việc phải hết sức tránh bị điện giật. Do đó trong quy trình thao tác phải có các biện pháp sau đây:

- a. Vỏ ngoài của máy hàn và cầu dao phải tiếp đất tốt.
- b. Tất cả những dây dẫn dùng để hàn phải được cách điện tốt.

c. Tay cầm của kìm hàn, găng tay, quần áo làm việc và giày phải khô ráo.

d. Tất cả đều đúng.

284. Khi mở và đóng cầu dao điện ta cần chú ý các biện pháp nào sau đây:

a. Phải đeo găng tay khô, nghiêng đầu về một bên để tránh tình trạng bị bỏng do tia lửa điện gây nên lúc mở và đóng cầu dao.

b. Phải đi giày cao su hặc dùng tấm gỗ khô để lót dưới chân.

c. Vỏ ngoài của máy và cầu dao phải tiếp đất tốt.

d. Tất cả đều đúng.

285. Nếu thấy có người bị điện giật bước đầu tiên chúng ta phải làm gì.

a. Chạy đi gọi người tới cứu chữa.

b. Cắm dùng tay để kéo người bị giật ra khỏi nguồn điện.

c. Ngắt nguồn điện hoặc tách người bị giật ra khỏi nguồn điện

d. Tất cả đều đúng.

286. Khi làm việc trong ống tròn và những vật dẹt bằng kim loại chúng ta phải làm gì để đảm bảo an toàn:

a. Đi giày cao su hặc dùng tấm gỗ khô để lót dưới chân.

b. Phải đệm những tấm cách điện ở dưới chân và những vị trí mà thân thể dễ tiếp xúc với vật hàn.

c. Cả a và b đều đúng.

d. Cả a và b đều sai.

287. Khi hàn những kim loại màu người thợ hàn phải chú ý các biện pháp an toàn nào sau đây:

a. Chỗ làm công việc hàn phải được thông gió tốt.

b. Phải cọ rửa sạch và để khô, sau đó mới hàn.

c. Phải đeo kính trắng để đề phòng xỉ hàn bắn vào mắt gây tai nạn.

d. Tất cả đều đúng.

288. Khi làm việc trong nồi hơi hoặc trong những thùng lớn thì qua một thời gian nhất định phải:

a. Ra ngoài để hít thở không khí trong lành.

b. Được thông gió tốt.

c. Phải đeo kính trắng để đề phòng xỉ hàn bắn vào mắt gây tai nạn.

d. Tất cả đều đúng.

289. Kỹ thuật an toàn đối với máy sinh khí axetylen khi bắt đầu khởi động là:

- a. Phải xả hết không khí chứa sẵn trong mát ra ngoài đến khi ngửi thấy mùi axêtylen mới thôi.
- b. Không được để bã đất đèn ngay ở chỗ đặt máy sinh khí.
- c. Không được dùng máy sinh khí quá năng suất quy định.
- d. Tất cả đều đúng.

290. Trong quy trình vận hành, phải đảm bảo những yêu cầu sau đây đối với bình nước ngăn lửa tạt lại:

- a. Nước trong bình lúc nào cũng phải ngang với mức kiểm tra.
- b. Mỗi ca phải kiểm tra mức nước hai lần.
- c. Mỗi khi ngừng tiêu thụ khí, phải đóng chặt van.
- d. Tất cả đều đúng.

291. Kỹ thuật an toàn đối với máy sinh khí axêtylen là phải:

- a. Mỗi tuần phải kiểm tra một lần những phần nối của máy sinh khí.
- b. Không được để bã đất đèn ngay ở chỗ đặt máy sinh khí.
- c. Cấm dùng lửa, hút thuốc ... ở nơi đặt máy sinh khí và hồ thải bã đất đèn.
- d. Tất cả đều đúng

292. Công nhân hàn phải đình chỉ vận hành máy sinh khí axêtylen trong các trường hợp sau đây:

- a. Áp kế không tốt.
- b. Những phần chính của máy có những đường nứt, phồng, chảy nước, xì hơi hoặc thành bị gỉ mòn quá mức.
- c. Các nắp cửa không tốt hoặc không có đủ các chi tiết bắt chặt.
- d. Tất cả đều đúng

293. An toàn khi bảo quản đất đèn :

- a. Đất đèn phải được bảo quản trong những nhà cao ráo, tránh mưa hắt.
- b. Nhà chứa đất đèn phải có đầy đủ các phương tiện chữa cháy.
- c. Khi vận chuyển đất đèn, phải thật nhẹ nhàng tránh va chạm.
- d. Tất cả đều đúng.

294. Kỹ thuật an toàn đối với bình ôxy là phải:

- a. Bình chứa đầy ôxy phải để cách xa ngọn lửa trần ít nhất 15 mét.
- b. Không được để các chai ôxy ở gần dầu mỡ, các chất cháy và các chất dễ bắt cháy.
- c. Khi vận chuyển các chai ôxy, phải thật nhẹ nhàng tránh va chạm mạnh.
- d. b và c đúng

295. Khi lắp van giảm áp ta cần phải làm các biện pháp an toàn nào sau đây:

- a. Phải khê mở van để thổi hết bụi bẩn nằm trên đường dẫn khí.
- b. Mở van khóa phải thật nhẹ nhàng để tránh hiện tượng chất nổ chai ôxy do mở van quá nhanh
- c. Sau khi lắp van giảm áp, cần phải mở khóa thật từ từ để tránh làm hỏng màng của van giảm áp.
- d. Tất cả đều đúng.

296. Kỹ thuật an toàn đối với van giảm áp là phải:

- a. Van giảm áp của loại khí nào chỉ được phép dùng riêng cho loại khí đó.
- b. Trước khi lắp van, phải kiểm tra xem ống nhánh trên van khóa của bình ôxy có dầu mỡ và bụi bẩn không.
- c. Hàng ngày phải dùng nước xà phòng bôi trên các phần nối của van để kiểm tra xem van có hở không.
- d. Cả a và b đúng

297. Khi mở thùng đất đèn, phải luôn chú ý điều gì:

- a. Cắm dùng những dụng cụ bằng thép và những vật khác có thể nảy ra tia lửa trong khi va chạm.
- b. Trong thùng có thể có hỗn hợp axetylen và không khí mang tính nổ.
- c. Sau khi mở thùng để lấy đất đèn ra, phải dùng nắp đệm cao su đậy kín như cũ.
- d. Tất cả đều đúng.

298. Kỹ thuật an toàn đối với bình ôxy là:

- a. Van giảm áp của loại khí nào chỉ được phép dùng riêng cho loại khí đó.
- b. Khi vận chuyển các chai ôxy, phải thật nhẹ nhàng tránh va chạm mạnh.
- c. Không được để các chai ôxy ở gần dầu mỡ, các chất cháy và các chất dễ bắt cháy.
- d. cả b và c đúng

299. Khi giao ca tổ trưởng hoặc trưởng ca hết ca phải bàn giao bằng miệng, hoặc bằng văn bản cho ca sau những nội dung sau:

- a. Tiến trình công việc và công đoạn tiếp theo của công việc.
- b. Tình trạng máy, thiết bị, dụng cụ đồ nghề, những nghi vấn trong quá trình sản xuất có nguy cơ mất an toàn lao động.
- c. Các sự cố hoặc tai nạn đã xảy ra, những triệu chứng không an toàn của

quá trình SX ca trước và những kiến nghị khắc phục để ngăn ngừa tai nạn, sự cố tiếp theo.

d. Cả a, b, c đều đúng.

300. Các dây dẫn phục vụ hàn điện ở khu vực công trình xây dựng phải đảm bảo yêu cầu nào? sau đây:

a. Là dây có bọc cách điện. Các dây đó phải mắc trên cột hoặc giá đỡ chắc chắn và ở độ cao ít nhất là 2,5m đối với mặt bằng thi công và 5,0m đối với nơi có xe cộ qua lại.

b. Các dây dẫn điện có độ, cao dưới 2,5m kể từ mặt nền hoặc mặt sàn thao tác phải dùng dây cáp bọc cao su cách điện.

c. Cấm để chà xát cáp điện trên mặt bằng hoặc để xe cộ trèo qua lại hay các kết cấu khác đè lên cáp dẫn điện.

d. Cả a, b và c đều đúng

XII. AN TOÀN TRÊN CÔNG TRƯỜNG XÂY DỰNG

301. Tổ chức nơi làm việc hợp lý, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động phải đảm bảo yêu cầu nào sau đây:

a. Bố trí máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu... phải khoa học, phù hợp với dây chuyền sản xuất và trình tự gia công, thuận tiện cho việc vận chuyển và đi lại của người lao động.

b. Nơi làm việc phải có nội quy, quy trình làm việc an toàn; có hướng dẫn thao tác, điều khiển, sử dụng máy theo đúng quy định.

c. Trang bị đầy đủ sơ đồ bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy và các bình chữa cháy xách tay, xe đẩy chữa cháy theo phương án PCCC đã được cấp có thẩm quyền duyệt.

d. Cả a và b.

302. Về mặt kỹ thuật an toàn, một quá trình tự động hóa phải đảm bảo các yêu cầu:

a. Các bộ phận truyền động đều phải được bao che thích hợp; đầy đủ thiết bị bảo hiểm, khóa liên động.

b. Đầy đủ hệ thống tín hiệu, báo hiệu đối với tất cả các trường hợp sự cố; có thể điều khiển riêng từng máy, từng bộ phận và có thể dừng máy theo yêu cầu, có các cơ cấu tự động kiểm tra.

c. Không phải bảo dưỡng, sửa chữa khi máy đang chạy; đảm bảo các yêu cầu về KTAT có liên quan như về điện, thiết bị chịu áp lực, nối đất an toàn các thiết bị điện; bảo đảm thao tác chính xác, liên tục.

d. Cả a, b và c.

303. Hãy nêu khái niệm khoảng cách an toàn để phòng tránh tai nạn lao động:

a. Là khoảng không gian lớn nhất giữa người lao động và các loại phương tiện, thiết bị, hoặc khoảng cách lớn nhất giữa phương tiện, thiết bị với nhau để không bị tác động xấu của các yếu tố sản xuất.

b. Là khoảng không gian nhỏ nhất giữa người lao động và các loại phương tiện, thiết bị, hoặc khoảng cách nhỏ nhất giữa phương tiện, thiết bị với nhau để không bị tác động xấu của các yếu tố sản xuất.

c. Là khoảng cách để báo cho người lao động biết trước mối nguy hiểm và hướng dẫn biện pháp thực hiện để tránh bị ảnh hưởng của các yếu tố nguy hiểm.

d. Là khoảng không gian nhỏ nhất giữa người lao động và các loại phương tiện, thiết bị để không bị tác động xấu của các yếu tố sản xuất.

304. Các thiết bị khống chế độ cao nâng tải, góc nghiêng cần cẩu và cầu chì, rơ le nhiệt, áp/tô/mát, máy cắt là loại để dùng cho thiết bị:

a. Thiết bị phòng ngừa quá tải điện và thiết bị phòng ngừa sự cố cần trục, công trục.

b. Thiết bị phòng ngừa quá tải thiết bị áp lực và thiết bị phòng ngừa sự cố cần trục, công trục.

c. Thiết bị phòng ngừa sự cố cần trục, công trục và thiết bị phòng ngừa sinh nhiệt.

d. Thiết bị phòng ngừa sự cố cần trục và phòng ngừa cháy, nổ.

305. Các thiết bị khống chế độ cao nâng tải, góc nghiêng cần cẩu và đầu cảm ứng báo khói, báo nhiệt độ, là loại để dùng cho thiết bị:

a. Thiết bị phòng ngừa sự cố cần trục và thiết bị phòng ngừa cháy, nổ.

b. Thiết bị phòng ngừa cháy, nổ và thiết bị phòng ngừa quá tải thiết bị áp lực.

c. Thiết bị phòng ngừa quá tải thiết bị áp lực và thiết bị phòng ngừa quá tải điện.

d. Thiết bị phòng ngừa quá tải điện và thiết bị phòng ngừa sự cố cần trục.

306. Hãy nêu các hình thức phân loại các thiết bị tín hiệu, báo hiệu được áp dụng để phòng ngừa tai nạn lao động:

a. Tín hiệu ánh sáng; tín hiệu màu sắc; tín hiệu âm thanh và dấu hiệu an toàn.

b. Dấu hiệu an toàn; dấu hiệu nguy hiểm; tín hiệu ánh sáng; tín hiệu âm thanh; cảnh báo an toàn.

c. Tín hiệu màu sắc; tín hiệu bằng còi, chuông.

d. Cả b và c.

307. Hãy nêu các yếu tố nguy hiểm có nguy cơ gây tai nạn lao động khi sử dụng thiết bị nâng:

a. Do sập cần nâng tải hoặc dầm nâng tải.

b. Do xảy ra tai nạn điện trong quá trình vận hành thiết bị.

c. Nguy cơ cháy, nổ cơ học ở những máy nâng có thiết bị chịu áp lực.

d. Cả a, b và c.

308. Để kiểm soát yếu tố nguy hiểm, người sử dụng lao động có trách nhiệm gì sau đây:

a. Kiểm tra đánh giá các yếu tố nguy hiểm; đề ra các biện pháp loại trừ các mối nguy hiểm và cải thiện điều kiện lao động.

b. Tổ chức đo lường các yếu tố có hại ít nhất một lần trong một năm .

c. Xây dựng phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp và tổ chức đội cấp cứu tại chỗ theo quy định pháp luật

d. a và c

309. Khi làm việc trên cao, nơi cheo leo hoặc nơi nguy hiểm, người lao động bị cấm hoặc không được thực hiện quy định nào? sau đây:

a, Cấm uống rượu, bia trước và trong quá trình làm việc

b. Cấm vút, ném các loại dụng cụ, đồ nghề hoặc bất kì vật gì từ trên cao xuống.

c. Không được đi dép lê hay đi guốc và phải mặc quần áo gọn gàng.

d. Cả a,b và c.

310. Khi làm việc từ độ cao 2m trở lên hoặc chưa đến độ cao đó nhưng dưới chỗ làm việc có các vật chướng ngại nguy hiểm, nếu không làm được sàn thao tác có lan can an toàn thì người sử dụng lao động phải làm gì:

- a. Không được thi công cùng một lúc ở hai hoặc nhiều tầng trên một phương thẳng đứng nếu không có lưới bảo vệ để bảo vệ an toàn cho người làm việc ở dưới
- b. Phải trang bị dây an toàn cho người lao động. Không cho phép người lao động làm việc khi chưa đeo dây an toàn.
- c. Cán bộ kỹ thuật thi công phải hướng dẫn cách móc dây an toàn cho người lao động.

d. a, b và c

311. Làm việc dưới các giếng sâu, hầm ngầm, trong các thùng kín cần phải đáp ứng yêu cầu gì :

- a. Phải có đủ biện pháp và phương tiện để phòng khí độc hoặc sập lở.
- b. Trước và trong quá trình làm việc phải có chế độ kiểm tra chặt chẽ và có người trực bên ngoài nhằm bảo đảm liên lạc thường xuyên giữa bên trong và bên ngoài
- c. Xây dựng phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp và kịp thời cấp cứu khi xảy ra tai nạn.

d. a, b và c

312. Mạng lưới điện thi công trên công trường phải đảm bảo yêu cầu nào:

- a. Có sơ đồ mạng điện, có cầu dao chung và các cầu dao phân đoạn để có thể cắt điện toàn bộ hay từng khu vực công trình khi cần thiết.
- b. Điện động lực và điện chiếu sáng phải làm hai hệ thống riêng.
- c. Các phần dẫn điện trần của các thiết bị điện dây dẫn, thanh dẫn, tiếp điểm của cầu dao, cầu chảy, các cực của máy điện và dụng cụ điện . . . phải được bọc kín bằng vật liệu cách điện hoặc đặt ở độ cao đảm bảo an toàn và thuận tiện cho việc thao tác.
- d. Các đầu dây dẫn, cáp hở phải được cách điện, bọc kín, hoặc treo cao.

e. a, b, c và d

313. Các dây dẫn phục vụ thi công ở từng khu vực công trình phải đảm bảo yêu cầu nào?:

- a. Là dây có bọc cách điện. Các dây đó phải mắc trên cột hoặc giá đỡ chắc chắn và ở độ cao ít nhất là 2,5m đối với mặt bằng thi công và 5,0m đối với nơi có xe cộ qua lại.
- b. Các dây dẫn điện có độ cao dưới 2,5m kể từ mặt nền hoặc mặt sàn thao tác phải dùng dây cáp bọc cao su cách điện.
- c. Cấm để chà xát cáp điện trên mặt bằng hoặc để xe cộ trèo qua lại hay các kết cấu khác đè lên cáp dẫn điện.

d. a, b và c

314. Khi vận hành cần trục, công nhân vận hành phải tuân thủ quy định nào:

- a. Trước khi cần trục di chuyển dọc theo đường đi của nó cần phải có tín hiệu cảnh báo (chuông hoặc còi cảnh báo) cho tất cả những người mà sự an toàn của họ có khả năng bị đe dọa.
- b. Không được kéo lê các tải ở bên cạnh khi sử dụng chuyển động xoay hoặc nâng dây gây ra ảnh hưởng xấu tới sự ổn định của cần trục
- c. Nâng tải vượt quá tải trọng nâng cho phép của cần trục.
- d. Không được sử dụng các cơ cấu an toàn của cần trục làm phương tiện để dừng thường xuyên các chuyển động

e. Tất cả các câu.

315. Khi sử dụng cần trục người sử dụng lao động phải đảm bảo yêu cầu an toàn nào:

- a. Phải có thông tin đầy đủ như các hướng dẫn của nhà sản xuất
- b. Tất cả các thiết bị an toàn đang hoạt động thích hợp
- c. Có các biện pháp cách ly tất cả các nguồn nguy hiểm tạo ra sự an toàn cho cần trục
- d. Chỉ cho phép người được đào tạo thích hợp, có trình độ tay nghề, đã được huấn luyện, kiểm tra sát hạch về an toàn vệ sinh lao động và có thẻ an toàn, mới được vận hành cần trục

e. Tất cả các câu.

316. Hãy nêu biện pháp chung nhằm cải thiện điều kiện làm việc ở tư thế làm việc bắt buộc:

a. Bố trí phụ nữ có thai làm việc ở tư thế lao động bắt buộc.

b. Nguyên liệu, dụng cụ phục vụ cho sản xuất phải sắp xếp gọn gàng, đặt trong tầm tay với.

c. Định kỳ tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động và các phương pháp cứu chữa người bị điện giật.

d. Cả b và c.

317. Hãy nêu biện pháp chung nhằm cải thiện điều kiện lao động cho người lao động phải làm việc ở tư thế làm việc bắt buộc:

a. Tổ chức lao động hợp lý, nghỉ giải lao giữa giờ, tập thể dục thích hợp để ngăn ngừa ảnh hưởng của mỗi loại tư thế.

b. Nguyên liệu, dụng cụ phục vụ cho sản xuất phải sắp xếp gọn gàng, đặt trong tầm tay với.

c. Cơ giới hóa, tự động hóa các nghề, công việc phải đứng hoặc ngồi làm việc ở tư thế bắt buộc.

d. Cả a, b và c.

318. Hãy nêu các biện pháp nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động khi phải làm việc ở tư thế đứng:

a. Sắp xếp công việc để có thể thay thế giữa ngồi và đứng; tránh làm việc phải cúi lưng nhiều.

b. Độ cao làm việc bảo đảm lưng thẳng và hai vai thả lỏng; công việc làm với tay ở vị trí tự nhiên, gần cơ thể.

c. Vị trí đứng phải thoải mái; vị trí thao tác nên thấp hơn vai.

d. Cả a, b và c.

319. Hãy nêu các biện pháp nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động khi phải làm việc ở tư thế ngồi:

a. Thường xuyên làm việc ở tư thế ngồi trong suốt ca làm việc.

b. Bàn làm việc hoặc vị trí thao tác phải cao hơn khuỷu tay.

c. Có chỗ duỗi căng chân dễ dàng thoải mái; tránh cử động liên tục lặp lại của các ngón tay.

d. Ghế ngồi không cần chỗ tựa lưng và phải có cần điều chỉnh cao, thấp phù hợp với từng người.

CÂU HỎI PHẦN KỸ NĂNG TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN

1. Khi chuẩn bị những thứ cần thiết cho lớp học cần:

- a) Chuẩn bị mục đích, thời gian.
- b) Các dụng cụ hỗ trợ lớp học như: Máy chiếu, tài liệu, âm thanh....
- c) Xác định đối tượng lớp học.
- d) Tất cả các câu trên đều đúng.*
- e) Các câu a, b đúng.

2. Giảng viên phải có mục đích rõ ràng và nghiêm khắc với thời gian:

- a) Xác định mục đích buổi học.
- b) Xác định trọng tâm bài giảng.
- c) Không được nói lạc đề, không được kéo dài thời gian.
- d) Tất cả các câu trên đều đúng.*
- e) Các câu a, c đúng.

3. Tâm lý học viên khi học an toàn, vệ sinh lao động:

- a) Có người thích học, thích nghe. Có người chán nản, không muốn học.
- b) Có trình độ nhận thức không đồng đều.
- c) Có người mệt mỏi, có người không mệt mỏi.
- d) Tất cả các câu trên đều đúng.*
- e) Các câu a, c đúng.

4. Bắt đầu bài giảng, giảng viên cần nêu những vấn đề chính như sau:

- a) Mục đích bài giảng. Ý nghĩa bài giảng.
- b) Đối tượng học.
- c) Thời gian và nội dung bài giảng.
- d) Tất cả các câu trên đều đúng.*
- e) Các câu b, c đúng.

5. Khi kết thúc lớp học:

- a) Sơ lược tóm tắt những nội dung đã nêu. Nêu lại những điểm mấu chốt, trọng tâm.
- b) Hỏi xem học viên còn phần nào chưa hiểu.
- c) Hướng dẫn câu hỏi và làm bài kiểm tra.
- d) Tất cả các câu trên đều đúng.*
- e) Các câu a, b đúng.

CÂU HỎI PHẦN PHƯƠNG PHÁP HUẤN LUYỆN AN TOÀN, VSLĐ VÀ KỸ NĂNG SỬ DỤNG CÁC PHƯƠNG TIỆN HỖ TRỢ HUẤN LUYỆN

1. Phương pháp thuyết trình có ưu điểm:

- a) Dễ tổ chức. Không đòi hỏi nhiều về trang thiết bị.
- b) Tiết kiệm thời gian.
- c) Một người nói được với nhiều người.
- d) Tất cả các câu trên đều đúng.*
- e) Các câu b, c đúng.

2. Nhược điểm của phương pháp thuyết trình:

- a) Chỉ thông tin một chiều. Bài giảng phụ thuộc thuyết trình của giáo viên.
- b) Người học thụ động, dễ nhàm chán.
- c) Người học không chứng tỏ, trao đổi, chia sẻ kiến thức.
- d) Tất cả các câu trên đều đúng.*
- e) Các câu b, c đúng.

3. Yêu cầu của phương pháp thuyết trình là:

- a) Cần lên kế hoạch thuyết trình cẩn thận. Nên có các phương tiện nghe, nhìn.
- b) Duy trì được sự quan tâm, chú ý của người học. Cho phép người học được hỏi hay đề nghị làm rõ hơn.
- c) Cần lên kế hoạch chuẩn bị giáo án.
- d) Tất cả các câu trên đều đúng.
- e) Các câu a, b đúng.*

4. Phương pháp diễn giảng có các ưu điểm sau:

- a) Khơi dậy sự quan tâm của người học vào một chủ đề nào đó.
- b) Sử dụng các giác quan trong giảng dạy. Đa kênh thông tin.
- c) Người học có nhiều cơ hội bày tỏ ý kiến.
- d) Tất cả các câu trên đều đúng.*
- e) Các câu a, c đúng.

5. Phương pháp diễn giảng có các khuyết điểm sau:

- a) Yêu cầu người học phải có động cơ.
- b) Người học mất hứng thú học tập nếu trình bày dài và phức tạp.

c) Không thích hợp với lớp đông người. Đòi hỏi trang thiết bị dạy học.

d) Tất cả các câu trên đều đúng.

e) Các câu b, c đúng.

6. Yêu cầu của phương pháp diễn giảng:

a) Cần giải thích rõ ràng. Giảng viên chủ động, tự tin.

b) Thu hút người học.

c) Đảm bảo có đủ trang thiết bị, học cụ.

d) Tất cả các câu trên đều đúng.

e) Các câu a, b đúng.

7. Phương pháp giảng dạy theo nhóm có ưu điểm sau đây:

a) Khuyến khích người học nghiên cứu nghiêm túc. Tạo điều kiện cho người học học tập lẫn nhau.

b) Giảng viên quan sát tinh thần và thái độ học tập của lớp. Cho phép người học trình bày các ý kiến, quan điểm trước tập thể.

c) Làm cho người học dễ tiếp thu kiến thức.

d) Tất cả các câu trên đều đúng.

e) Câu a và b đúng.

8. Nhược điểm của phương pháp dạy theo nhóm:

a) Một số người học thụ động, không nghiên cứu nghiêm túc.

b) Tinh thần học tập không đồng đều. Chất lượng học tập không cao,

c) Là phương pháp giảng viên ngại giảng bài.

d) Tất cả các câu trên đều đúng.

e) Các câu b, c đúng.

9. Yêu cầu giảng viên giảng dạy theo nhóm là:

a) Phải có kế hoạch thực hiện đúng nội dung này. Tạo bầu không khí thoải mái, gần gũi.

b) Bố trí chỗ ngồi hợp lý để tạo sự tham gia đầy đủ của người học.

c) Hỗ trợ người học làm rõ mục tiêu bài học.

d) Tất cả các câu trên đều đúng.

e) Các câu a, b đúng.

10. Yêu cầu sư phạm khi lựa chọn và sử dụng phương tiện giảng dạy:

a) Phương tiện giảng dạy phải được chuẩn bị trước. Đảm bảo tính đồng bộ phương tiện giảng dạy.

- b) Khi sử dụng nhiều phương tiện giảng dạy phải bố trí sao cho hợp lý.
- c) Giảng viên cần chủ động, không nên phụ thuộc nhiều vào phương tiện giảng dạy.

d) Tất cả các câu trên đều đúng.

e) Các câu a, c đúng.

CÂU HỎI PHÂN KỸ NĂNG BIÊN SOẠN GIÁO ÁN VÀ BÀI GIẢNG HUẤN LUYỆN

1. Những nguyên tắc cấu thành giáo án:

- a) Tính cụ thể. Tính logic.
- b) Tính chính xác. Tính dễ hiểu.
- c) Tính ngắn gọn.
- d) Tất cả các câu trên đều đúng.

e) Câu a và b đúng.

2. Qui định font chữ soạn trên các Slide là:

- a) Kiểu chữ có chân (VNI Time; Times New Roman; Cambria...).
- b) Kiểu chữ không chân (Arial; Vni-Helve; Verdata...).*
- c) Cả hai kiểu chữ trên.

3. Các kỹ năng soạn giáo án:

- a) Giảng viên phải bám sát chương trình. Tham khảo tài liệu.
- b) Xác định trọng tâm và nội dung bài học.
- c) Luôn đưa kiến thức mới vào giáo án.

d) Tất cả các câu trên đều đúng.

e) Các câu a, c đúng.

4. Các nội dung của giáo án phải có:

- a) Mục đích. Ý nghĩa.
- b) Đối tượng.
- c) Nội dung.

d) Tất cả các câu trên đều đúng.

e) Các câu a, c đúng.

5. Kết cấu của một bài giảng:

- a) Mở đầu (Đặt vấn đề, giới thiệu bài giảng) 10 :- 15%.
- b) Triển khai các nội dung 70 :- 80%.

c) Tóm tắt bài giảng, kết luận

10 :- 15%.

d) Tất cả các câu trên đều đúng.

e) Các câu a, c đúng.

CÂU HỎI PHẦN KỸ NĂNG MỞ ĐẦU VÀ KẾT THÚC LỚP HUẤN LUYỆN

1. Khi mở đầu bài giảng thì giảng viên có thể:

a) Kể một câu chuyện hứng thú.

b) Bằng một liên hệ thực tế.

c) Bằng gợi ý sự chú ý, tò mò của người học. Bằng học cụ, tranh ảnh.

d) Tất cả các câu trên đều đúng.

e) Các câu a, c đúng.

2. Khi mở đầu bài giảng, giảng viên có thể chọn:

a) Một tình huống gây sốc.

b) Một tình huống hài hước.

c) Một con số thống kê.

d) Tất cả các câu trên đều đúng.

e) Các câu b, c đúng.

3. Kỹ năng mở đầu bài giảng:

a) Giảng viên bình tĩnh, tự tin.

b) Giọng nói nhỏ, sau tăng dần.

c) Gây được chú ý cho học viên.

d) Tất cả các câu trên đều đúng.

e) Các câu a, c đúng.

4. Khi kết thúc bài giảng:

a) Khéo léo, không gây hụt hẫng cho người học.

b) Gợi ý liên hệ thực tiễn. Liên hệ các vấn đề có liên quan.

c) Tạo sự phản hồi của người học.

d) Tất cả các câu trên đều đúng.

e) Các câu b, c đúng.

5. Khi kết thúc bài giảng, giảng viên cần:

a) Tóm lược bài giảng. Liên hệ thực tiễn. Cảm ơn tất cả các bạn.

- b) Bài giảng đến đây là hết.
- c) Hẹn gặp lại các anh chị.
- d) Tất cả các câu trên đều đúng.
- e) Các câu b, c đúng.

CÂU HỎI VỀ PHƯƠNG PHÁP THUYẾT TRÌNH

Câu 1: Mục tiêu của kỹ năng thuyết trình là:

- a) Truyền đạt thông tin
- b) Khơi dậy sự quan tâm
- c) Kích thích sự suy nghĩ và lĩnh hội kiến thức mới
- d) **Cả 3 ý trên**

Câu 2: Theo bạn phương pháp nào sau đây không phải là mục tiêu tiên quyết của kỹ năng thuyết trình?

- a) Khơi dậy sự quan tâm
- b) **Cung cấp thông tin**
- c) Truyền đạt thông tin
- d) Kích thích sự suy nghĩ và lĩnh hội kiến thức mới

Câu 3: Ưu điểm của kỹ năng thuyết trình là:

- a) Bảo đảm tính logic của vấn đề, nói được với nhiều người
- b) Dễ tổ chức, không đòi hỏi nhiều về trang thiết bị
- c) Bao quát thông tin nhanh chóng, tiết kiệm thời gian
- d) **Cả 3 ý trên**

Câu 4: Nhược điểm của kỹ năng thuyết trình là:

- a) Thông tin chỉ có một chiều phụ thuộc vào năng lực thuyết trình của giảng viên
- b) Người học thụ động, dễ gây nhàm chán
- c) Người học không thể chứng tỏ, trao đổi, chia sẻ kiến thức và kỹ năng của mình
- d) **Cả 3 ý trên**

Câu 5: Khi thuyết trình giáo viên nên tránh những vấn đề nào sau đây:

- a) Đọc chữ trên slide
- b) Đừng nói chuyện với slide, nói chuyện với người học
- c) Nói lấp, ấp úng
- d) **Tất cả các đáp án trên**

Câu 6: Nhược điểm của kỹ năng thuyết trình là gì

- a) Tạo đam mê
- b) Khó thay đổi nội dung
- c) Hình thành kỹ năng
- d) Người học thụ động, dễ gây nhàm chán

Câu 7: Yêu cầu của kỹ năng thuyết trình là:

- a) Cần lên kế hoạch thuyết trình cẩn thận, duy trì được sự quan tâm, chú ý của người học
- b) Cho phép người học hỏi hay đề nghị làm rõ hơn, nên có phương tiện nghe, nhìn, cần khái quát điểm chính
- c) Cả a và b đúng
- d) A đúng, b sai

Câu 8: Vấn đề cần tránh né khi thuyết trình là:

- a) Quan sát người nghe
- b) Không nên chọn chủ đề mới
- c) Tránh đọc chữ trên slide
- d) Thêm hình ảnh minh họa

Câu 9: Khi thuyết trình bạn không nên thực hiện các công việc nào:

- a) Quan sát người nghe
- b) Phân việc cho nhóm
- c) Quần áo trang phục
- d) Kiểm soát thời gian

Câu 10: Trong khi thuyết trình thì tư thế nào của giảng viên là không chuẩn

- a) Đứng nghiêm túc
- b) Quan sát người nghe
- c) Bỏ tay vào túi
- d) Chờ đợi phản hồi từ người nghe

Câu 11: Các biểu hiện qua nét mặt nào không nên thực hiện trong khi thuyết trình:

- a) Lắng nghe
- b) Cười nói
- c) Suy nghĩ/phân tích
- d) Nhìn chăm chú một nơi

Câu 12: Các hoạt động nên tránh khi di chuyển trong thuyết trình là

- a) Di chuyển có mục đích
- b) Đứng cố định
- c) Di chuyển chậm
- d) Tất cả đều sai

Câu 13: Khi thuyết trình cần tránh các yếu tố nào của ánh mắt?

- a) Không nhìn tập trung một chỗ
- b) Không quan sát người nghe
- c) Không thể hiện cảm xúc
- d) Tất cả đều đúng

Câu 14: Khi kiểm soát lớp huấn luyện giáo viên cần có những bước chủ động cần thiết nào?

- a) Hiểu biết tâm lý học viên
- b) Nắm bắt công việc, chuyên môn của học viên để điều chỉnh cách quản lý phù hợp
- c) A, b đúng
- d) A, b sai

Câu 15: Khi kiểm soát lớp huấn luyện giáo viên cần có những bước chủ động cần thiết nào?

- a) Thường xuyên tạo sự giao tiếp qua lại giữa người dạy và người học
- b) Tích cực sử dụng câu hỏi hiệu quả cao trong giảng bài
- c) A, b đúng
- d) A, b sai

Câu 16: Khi kiểm soát lớp huấn luyện giáo viên cần có những bước chủ động cần thiết nào?

- a) Dẫn dắt những câu chuyện, những hình ảnh minh họa phù hợp với tâm lý lớp học và nội dung học
- b) Điểm danh lớp học hoặc làm một vài câu hỏi kiểm tra
- c) A, b sai
- d) A, b đúng

Câu 17: Mục đích của việc bao quát lớp học?

- a) Biết rõ học sinh cả lớp
- b) Giáo viên cần nắm vững tiến độ của lớp, tốc độ giảng nhanh hay chậm và học sinh nào cần quan tâm riêng
- c) A, b đúng
- d) A, b sai

Câu 18: Mục đích của việc bao quát lớp học?

- a) Lắng nghe các lỗi sai thuộc điểm ngữ liệu của bài học, đặc biệt là ở các hoạt động thực hành theo hướng dẫn
- b) Lắng nghe để đảm bảo người học đang thực hiện đúng nhiệm vụ
- c) A, b sai
- d) A, b đúng

Câu 19: Cách bao quát lớp tốt nhất là:

- a) Xếp chỗ sao cho tất cả người học đều có thể nhìn thấy vị trí giáo viên
- b) Quan sát và lắng nghe các cặp hoặc một nhóm một cách ngẫu nhiên không chủ định
- c) A đúng, b sai
- d) A, b đúng

Câu 20: Cách bao quát lớp tốt nhất là:

- a) Không bỏ quá nhiều thời gian vào một người học, một cặp, một nhóm mà cần đảm bảo tất cả người học đều được quan sát
- b) Ngồi cùng các cặp hoặc nhóm hơn là đứng hoặc cúi mình xuống
- c) Ghé quay là một phương tiện lý tưởng để di chuyển từ nhóm này sang nhóm khác
- d) Tất cả các đáp án trên